



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 07 + 08

Ngày 15 tháng 01 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 21-12-2020- Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm (nay là đường hầm sông Sài Gòn) ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 3
- 21-12-2020 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ. 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

23-12-2020 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 29

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

31-12-2020 Quyết định số 4818/QĐ-UBND phê duyệt Đề án hình thành và phát huy các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2020 - 2025. 31

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm (nay là đường hầm sông Sài Gòn) ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ Luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 65/2013/TT-BCA ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Quyết định số 44/2012/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 12719/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2336/STP-VB ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Công văn số 3364/STP-VB ngày 16 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố, tai nạn xảy ra trong phạm vi công trình đường hầm Thủ Thiêm (nay là đường hầm sông Sài Gòn) ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND ngày 06 tháng

10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

1. Sửa đổi cụm từ: đường hầm Thủ Thiêm, nêu tại trích yếu và Điều 1 Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND và tại trích yếu, khoản 1, khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 3, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, điểm a, điểm b khoản 6, khoản 7, điểm a, điểm c khoản 8 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 17 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND, thành: đường hầm sông Sài Gòn.

2. Sửa đổi cụm từ: Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn, nêu tại Điều 3 Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND và khoản 3 Điều 5 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND, thành: Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị.

3. Sửa đổi cụm từ: Trung tâm Quản lý đường hầm Thủ Thiêm nêu tại điểm h khoản 2 Điều 6, điểm g khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 8, khoản 8 Điều 9, khoản 1, khoản 3 Điều 12, khoản 1, khoản 4 Điều 13, khoản 2, khoản 3 Điều 14 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-UBND, thành: Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị.

4. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Phạm vi an toàn công trình đường hầm sông Sài Gòn

1. Theo chiều dọc:

Từ Km0+00 (nút giao đường Võ Văn Kiệt - đường Ký Con, có tọa độ X = 603733,159, Y = 1190660,928) đến Km2+010 (nút giao đường Mai Chí Thọ - đường Ven Hồ Trung Tâm, có tọa độ X = 605547,275, Y = 1191321,803).

2. Theo chiều ngang:

a) Phần trên cạn thuộc địa bàn Quận 1, từ Km0+00 (tọa độ X = 603733,159, Y = 1190660,928) đến Km0+720 (tọa độ X = 604268,364, Y = 1191089,094):

- Đoạn từ Km0+00 (tọa độ X = 603733,159, Y = 1190660,928) đến Km0+295 (tọa độ X = 603906,646, Y = 1190887,609): Là phạm vi lộ giới đường Võ Văn Kiệt.

- Đoạn từ Km0+295 (tọa độ X = 603906,646, Y = 1190887,609) đến Km0+720 (tọa độ X = 604268,364, Y = 1191089,094):

+ Phía Bắc: Là phạm vi lộ giới đường Võ Văn Kiệt;

+ Phía Nam (phía kênh Bến Nghé): Từ tim đường hầm sông Sài Gòn về phía Nam 50,0m.

b) Phần trên sông Sài Gòn, từ Km0+720 (tọa độ X = 604268,364, Y = 1191089,094) đến Km1+240 (tọa độ X = 604780,338, Y = 1191180,107):

- Phía Bắc (phía hạ lưu): Từ tim đường hầm sông Sài Gòn về phía Bắc 50,0m;

- Phía Nam (phía thượng lưu): Từ tim đường hầm sông Sài Gòn về phía Nam 50,0m.

c) Phần trên cạn thuộc địa bàn Quận 2, từ Km1+240 (tọa độ X = 604780,338,

Y = 1191180,107) đến Km2+010 (tọa độ X = 605547,275, Y = 1191321,803):

- Phía Bắc: Từ tim đường hầm sông Sài Gòn về phía Bắc 50,0m

- Phía Nam: Từ tim đường hầm sông Sài Gòn về phía Nam 55,0m.”

5. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 5 như sau:

“b) Các sự cố, tai nạn về cháy, nổ và cứu hộ, cứu nạn: Công an Thành phố.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Cơ quan chủ trì: Công an Thành phố

a) Chủ trì xây dựng các phương án và tổ chức thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm sông Sài Gòn;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức diễn tập các phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo định kỳ.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi công trình đường hầm sông Sài Gòn.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Quận 1, Quận 2, Quận 4, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong, Tổng Công ty Điện lực thành phố Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Công viên Tượng đài
Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9624/TTr-SXD-HTKT ngày 21 tháng 8 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1369/STP-KTrVB ngày 19 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế phối hợp quản lý Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

2. Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế quản lý công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ

*(Ban hành kèm Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về việc quản lý các hoạt động diễn ra trong toàn bộ không gian khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ (từ phần tiếp giáp đường Lê Thánh Tôn đến tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng) bao gồm cả vùng không gian mặt đứng dưới cao độ 30m tiếp giáp khu vực này.

b) Hoạt động quản lý của cơ quan Nhà nước về an ninh trật tự; văn hóa nghệ thuật; vệ sinh môi trường, thu gom rác thải; quy hoạch cảnh quan kiến trúc, xây dựng và hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh, văn hóa và quảng cáo; công tác duy tu, bảo dưỡng và các hoạt động quản lý khác tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ được thực hiện theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) có tham gia các hoạt động tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp quản lý nhà nước dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan sở, ngành thành phố, ủy ban nhân dân quận huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, thống nhất, không chồng chéo trong công tác quản lý các hoạt động tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

2. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan; bảo đảm kết quả phối hợp đồng bộ, chặt chẽ đạt hiệu quả và yêu cầu đặt ra. Việc phối hợp giữa các cơ quan không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mỗi cơ quan tham gia.

3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp; những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

4. Trong quá trình phối hợp, nếu nội dung phối hợp liên quan đến trách nhiệm quyền hạn của cơ quan, đơn vị chuyên ngành, nhưng cơ quan, đơn vị chuyên ngành đó không phối hợp, phối hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo Quy chế này sẽ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

5. Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện bảo đảm khác trong công tác phối hợp.

6. Cơ quan tham gia các hoạt động phối hợp được phép từ chối phối hợp nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan phối hợp; Cử cán bộ đúng thành phần, thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; Tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về tính nhất quán, chất lượng.

Điều 3. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi bằng văn bản, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương thức khác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp hoặc gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan phối hợp về các vấn đề có liên quan đến nội dung cần phối hợp.

3. Tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành.

4. Tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế này, qua đó kịp thời đề xuất bổ sung, sửa đổi những điểm chưa phù hợp để việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị đạt hiệu quả cao.

Điều 4. Những hành vi cấm thực hiện

1. Xây dựng trái phép; lấn chiếm, sử dụng trái phép lòng đường, vỉa hè và khu vực Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

2. Gây mất mỹ quan, trật tự trong khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ: hoạt động mê tín, xả rác, phóng uế, chướng ngại vật, buôn bán hàng rong, tổ chức ăn uống, quảng cáo trái phép, làm hư hại cây xanh, mảng xanh và hạng mục công trình kỹ thuật, công trình kiến trúc.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, an ninh trật tự và phòng cháy, chữa cháy.

4. Lưu hành, phổ biến, trưng bày hoặc kinh doanh các sản phẩm văn hóa bị cấm; sản xuất, nhập khẩu, lưu hành trái phép các sản phẩm văn hóa đã có quyết định đình chỉ lưu hành, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu hoặc tiêu hủy; kinh doanh dịch vụ văn hóa mà không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

5. Thực hiện việc tụ tập đông người trái phép gây mất trật tự công cộng tại khu vực Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

6. Thực hiện hành vi di dời trái phép hoặc làm hư hỏng các thiết bị kỹ thuật lắp đặt tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

7. Sử dụng, điều khiển tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ không phép (bao gồm các loại khí cầu và mô hình bay) tại công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

8. Các hành vi bị cấm khác theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân đơn vị có liên quan đến hoạt động trong khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ

1. Quyền lợi

- a) Được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ kinh doanh theo quy định pháp luật.
- b) Được đảm bảo các hoạt động, sinh hoạt, vui chơi, tham quan theo quy định pháp luật.
- c) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin về các hoạt động tại khu vực.

2. Nghĩa vụ

- a) Chấp hành các quy định pháp luật về an ninh trật tự, quảng cáo, xây dựng duy tu, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan kiến trúc theo Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- b) Chịu sự quản lý và hướng dẫn của Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh khi tham gia các hoạt động diễn ra trong khu vực này.

Chương II **QUẢN LÝ VỀ AN NINH, TRẬT TỰ**

Điều 6. Nội dung quản lý

1. Tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát, thường xuyên nhắc nhở và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm nội quy khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.
2. Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy.
3. Xử lý nhanh, hiệu quả, đúng quy định đối với các trường hợp khiếu kiện, khiếu nại, treo băng rôn, biểu ngữ, biểu tượng có nội dung kích động, xuyên tạc; ngăn chặn kịp thời các hành vi bạo loạn, tập trung đông người trái pháp luật và các vấn đề khác có liên quan.
4. Quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ phù hợp với quy hoạch và cảnh quan môi trường, không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý, phối hợp

1. Công an Thành phố

a) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác xử lý tình huống khiếu kiện, tụ tập đông người trái pháp luật, gây rối, bạo loạn tại khu vực; áp dụng quy trình giải quyết theo từng cấp độ với các phương án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, phê duyệt.

b) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Công an Thành phố phối hợp với các cơ quan, Sở, ngành Thành phố liên quan triển khai thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 1, Bộ Tư lệnh Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy phục vụ các tổ chức và cá nhân khi đến tham gia các hoạt động tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

d) Phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, và Lực lượng Thanh niên xung phong trong công tác đảm bảo an toàn giao thông; xây dựng phương án phân luồng giao thông vào thời gian cấm hoặc hạn chế phương tiện lưu thông tại khu vực đường Nguyễn Huệ vào các dịp Lễ, Tết, ngày nghỉ (riêng việc tham mưu triển khai công tác cấm hoặc hạn chế phương tiện lưu thông tại khu vực đường Nguyễn Huệ đối với các sự kiện cụ thể do Công an Thành phố chủ trì thực hiện).

e) Hỗ trợ Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ được giao về bảo đảm an ninh trật tự khu vực công viên theo quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Xây dựng

a) Phối hợp hoặc chỉ đạo phối hợp với Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân Quận 1 và Lực lượng Thanh niên xung phong trong công tác đảm bảo, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy phục vụ các tổ chức, cá nhân khi đến tham gia các hoạt động tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

b) Phối hợp với Công an Thành phố và Sở Giao thông vận tải trong công tác đảm bảo an toàn giao thông; xây dựng nội dung, phương án phân luồng giao thông vào thời gian cấm hoặc hạn chế phương tiện lưu thông tại khu vực đường Nguyễn Huệ.

Huê vào các dịp Lễ, Tết, ngày nghỉ; xây dựng lộ trình thay thế, bố trí các chốt giao thông hướng dẫn lưu thông,... nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến sinh hoạt, đời sống của người dân, các tổ chức, cá nhân có liên quan, giảm tình trạng ùn tắc giao thông tại khu vực phía trước trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào giờ cao điểm.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và Cục Quản lý thị trường Thành phố quản lý về các hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định

3. Ủy ban nhân dân Quận 1

a) Chủ trì chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự tại công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ và các hoạt động quản lý khác tại khu vực theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Xử lý nhanh, hiệu quả, đúng quy định đối với các trường hợp khiếu kiện, khiếu nại, treo băng rôn, biểu ngữ, biểu tượng có nội dung kích động, xuyên tạc; ngăn chặn kịp thời các hành vi bạo loạn, tập trung đông người trái pháp luật và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tổ chức quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ phù hợp với quy hoạch và cảnh quan môi trường, không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch.

d) Phối hợp Công an Thành phố chỉ đạo giải quyết các vấn đề cụ thể phát sinh về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông tại công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc của các cơ quan khác.

e) Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về trật tự đô thị, trật tự giao thông tại khu vực.

4. Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

a) Bố trí lực lượng tuần tra, kiểm soát, thường xuyên nhắc nhở và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm nội quy khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

b) Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 1, Công an Thành phố và Lực lượng Thanh niên xung phong trong công tác an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, bố trí, hướng dẫn việc tổ chức giữ xe cho người dân đến tham quan tại công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

d) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ về phương án tổ chức giao thông và tổ chức vận tải công cộng (trạm phương tiện công cộng, bãi đỗ xe, quy định dừng đậu xe) tại khu vực đường Nguyễn Huệ và các tuyến đường lân cận nhằm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông cho khu vực.

Điều 8. Phối hợp xử lý các tình huống phát sinh tại khu vực Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ

1. Người có thẩm quyền đang thi hành nhiệm vụ tại khu vực khi phát hiện hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của cá nhân, đơn vị mình có trách nhiệm báo cáo về Sở Xây dựng để đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền phối hợp kiểm tra và xử lý theo quy định pháp luật.

2. Việc xử lý tình huống khiếu kiện, tụ tập đông người trái pháp luật, gây rối, bạo loạn tại khu vực; áp dụng quy trình giải quyết theo từng cấp độ với các phương án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, phê duyệt.

3. Khi có lễ hội, đoàn khách trong và ngoài nước tham quan, làm việc: tùy theo tình hình cụ thể và kế hoạch chi tiết từng sự kiện, mà các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và liên quan phối hợp thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ VỀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, CÂY XANH

Điều 9. Nội dung quản lý

1. Công tác quản lý vệ sinh môi trường tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ tập trung vào việc tổ chức thu gom rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, cụ thể:

a) Lắp đặt hệ thống thùng chứa rác, tổ chức thu gom, bảo quản và vệ sinh thùng chứa rác hàng ngày.

b) Phân công lực lượng quét, thu gom rác hàng ngày và vận chuyển về bãi xử lý theo quy định, không để rác tồn đọng.

c) Bố trí lực lượng quản lý, vận hành nhà vệ sinh công cộng, giữ gìn nhà vệ sinh luôn sạch đẹp.

d) Tổ chức thời gian thu gom rác phù hợp tại các chủ nguồn thải (hộ gia đình và ngoài hộ gia đình) xung quanh khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động vui chơi, giải trí của người dân tại khu vực này.

e) Thường xuyên duy tu, nạo vét hệ thống cống thoát nước theo định kỳ; không để xảy ra ngập, nghẹt.

g) Tuyên truyền, vận động các hộ dân, cơ quan, đơn vị, các cơ quan kinh doanh xung quanh khu vực giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan.

2. Nội dung quản lý công viên, mảng xanh và cây xanh

a) Chăm sóc, duy trì công viên, mảng xanh và cây xanh tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo đúng quy định hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm chất lượng công viên, mảng xanh và cây xanh luôn sạch, xanh và an toàn đối với du khách.

c) Trang trí tăng cường các chủng loại hoa kiểng đa dạng, phong phú để tạo màu sắc phục vụ cho các Lễ kỷ niệm, các dịp Lễ, tết trên địa bàn Thành phố, hoặc theo chỉ đạo đột xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý, phối hợp

1. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân Quận 1 quản lý về vệ sinh môi trường, thu gom rác thải.

2. Ủy ban nhân dân Quận 1

Có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc đảm bảo vệ sinh môi trường của các hộ dân, doanh nghiệp, đơn vị xung quanh khu vực công viên tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

3. Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật Thành phố

a) Quản lý chặt chẽ để đảm bảo khu vực Công viên tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ luôn sạch đẹp, vệ sinh. Chăm sóc, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên mảng xanh, cây xanh tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo đúng quy trình kỹ thuật.

b) Căn cứ vào tình hình thực tế, xây dựng và đề xuất Quy trình bảo dưỡng, chăm sóc cây xanh và tạo cảnh quan tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ nhằm đảm bảo sự hài hòa, tạo môi trường xanh, sạch, thân thiện cho Thành phố.

c) Đề xuất thay thế, bổ sung cây xanh, mảng xanh và công trình, thiết bị phụ trợ theo quy định.

Chương IV

QUẢN LÝ XÂY DỰNG, QUY HOẠCH KIẾN TRÚC

Điều 11. Nội dung quản lý

1. Quy hoạch xây dựng khu vực Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ thực hiện theo Quyết định số 6708/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu Trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) và các quy định khác có liên quan.

2. Quy hoạch kiến trúc khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ thực hiện theo Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị Khu trung tâm hiện hữu Thành phố Hồ Chí Minh (930ha) và các quy định khác có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý, phối hợp

1. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong việc quản lý về quy hoạch - kiến trúc, phê duyệt thiết kế cảnh quan, nội dung trang trí trong khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

2. Ủy ban nhân dân Quận 1

a) Phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng trong việc cấp giấy phép xây dựng khu vực xung quanh công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo quy hoạch đã được Thành phố phê duyệt.

b) Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan xung quanh khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo quy hoạch đã được Thành phố phê duyệt.

Chương V

QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA LỄ HỘI, CỔ ĐỘNG CHÍNH TRỊ, QUẢNG CÁO NGOÀI TRỜI,

Điều 13. Nội dung quản lý

1. Hoạt động văn hóa, lễ hội

a) Không tổ chức hội chợ trong công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ; hạn chế tối đa tổ chức các lễ hội, triển lãm có hoạt động quảng cáo, thương mại trên đường Nguyễn Huệ. Trong trường hợp tổ chức phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa phải nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giáo dục nếp sống lành mạnh và phong cách ứng xử có văn hóa cho mọi người; kế thừa và phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mỹ tục; nâng cao hiểu biết và trình độ thẩm mỹ, làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước; ngăn chặn sự xâm nhập và bài trừ những sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại.

c) Ưu tiên tổ chức các loại hình hoạt động mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, chú trọng việc quảng bá, giới thiệu các loại hình: đờn ca tài tử, nhạc cụ dân tộc, giao

hường đường phố, biểu diễn nghệ thuật đường phố, ảo thuật dân gian, giao lưu văn nghệ, biểu diễn võ thuật cổ truyền, thể dục thể thao,...

d) Các hoạt động văn hóa, lễ hội được xây dựng hàng quý, có thẩm định của các ngành chức năng về văn hóa, có điểm nhấn chủ đề phù hợp với các ngày lễ, sự kiện trọng đại của đất nước và Thành phố.

e) Quan tâm tổ chức các hoạt động cộng đồng, đoàn thể, về nguồn (có đăng ký về nội dung, thời gian cụ thể với Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh); tổ chức không gian văn hóa cho thiếu nhi phù hợp với từng lứa tuổi.

g) Bảo đảm các hoạt động cộng đồng tại khu vực Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, thể hiện sự văn minh, lịch sự, không gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân khác.

2. Hoạt động cổ động chính trị

a) Các hoạt động cổ động chính trị phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu giới thiệu và quảng bá các sự kiện chính trị, kinh tế xã hội; góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, phát huy truyền thống yêu nước, phản ánh chân thực đời sống vật chất và tinh thần của người dân Thành phố; đồng thời, đáp ứng nhu cầu của du khách và bạn bè quốc tế tìm hiểu về đất nước, con người Việt Nam; cung cấp kịp thời các thông tin, sản phẩm du lịch chất lượng.

b) Hình thức cổ động chính trị đa dạng, phong phú thông qua: màn hình điện tử, tranh, ảnh, băng rôn, biển hiệu và các hình thức khác.

3. Hoạt động quảng cáo

a) Nội dung quảng cáo trong các cửa hàng, cửa hiệu xung quanh khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ (quảng bá và giới thiệu các sản phẩm kinh doanh, dịch vụ thương mại tại cơ sở kinh doanh) với các hình thức phù hợp quy định Luật Quảng cáo, các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, mỹ quan đô thị và phát triển kinh tế, văn hóa. Nội dung quảng cáo phải được chọn lọc cho phù hợp.

b) Việc quảng cáo, đặt thương hiệu logo trên các nhà cao tầng và các tổ chức và cá nhân có nhu cầu quay phim tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ được thực hiện theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý, phối hợp**1. Sở Văn hóa và Thể thao**

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, lễ hội, giao lưu, các chương trình, sự kiện và các hoạt động khác diễn ra tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ, bao gồm các hoạt động có yếu tố nước ngoài, theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định đối với đề nghị của các tổ chức, cá nhân trước khi đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố việc sử dụng mặt bằng công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ về thời gian, kế hoạch tổ chức chương trình để tránh việc trùng lặp các hoạt động đã được chấp thuận thực hiện.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời, cổ động chính trị tại khu vực xung quanh công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Phối hợp với Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý, tuân thủ việc sử dụng mặt bằng đối với các hoạt động văn hóa, lễ hội.

2. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao quản lý về các chương trình biểu diễn nghệ thuật, nội dung trang trí các hoạt động văn hóa, quảng cáo, cổ động chính trị khi có chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân Quận 1

Có trách nhiệm thông tin đến các tổ chức, cá nhân hoạt động trên tuyến đường Nguyễn Huệ khi có các chương trình, sự kiện hoặc lễ hội được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố diễn ra tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ

4. Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

a) Hỗ trợ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức hoạt động tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ vào các dịp Lễ, Tết hoặc các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, bảo đảm trật tự, trang trọng và ý nghĩa.

b) Tổ chức bàn giao - tiếp nhận mặt bằng cho các tổ chức, cá nhân được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các hoạt động tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ với các nội dung chủ yếu như thời gian tổ chức (lắp dựng, tổ chức, tháo dỡ), vị trí tổ chức, trách nhiệm chi trả chi phí nhân công (quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên), đền bù hư hại, mất mát các hạng mục công trình do việc tổ chức chương trình gây ra của đơn vị tổ chức.

c) Phối hợp với đơn vị sử dụng mặt bằng kiểm tra, đánh giá các hư hại (nếu có) để xác định chi phí đền bù hư hại thực tế, tổ chức tiếp nhận lại mặt bằng trong đó xác định lại chính xác các chi phí mà đơn vị tổ chức phải chi trả (nếu có); đồng thời nhanh chóng khắc phục, tái lập mặt bằng hư hỏng để đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị cho người dân và du khách đến công viên.

d) Chi trả chi phí nhân công trực tiếp cho nhà thầu thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên và chi phí tái lập bằng nguồn vốn kiến thiết thị chính lĩnh vực công viên cây xanh được giao hàng năm, đối với các Lễ hội mang tính chất chính trị được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép không phải nộp chi phí quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên.

e) Các trường hợp tổ chức hoạt động cộng đồng vi phạm quy định của pháp luật, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chuyển cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

5. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng mặt bằng Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ để tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội và sự kiện

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức các hoạt động cổ động chính trị, sự kiện văn hóa, lễ hội và quảng cáo ngoài trời tại công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ phải liên hệ trước bằng văn bản đến Sở Văn hóa và Thể thao để thẩm định theo chức năng quản lý nhà nước.

b) Khi có chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố, phối hợp với Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật để tiếp nhận mặt bằng và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành: chấp hành đầy đủ các nội quy công viên, chi trả chi phí chăm sóc, bảo dưỡng và tái lập trong thời gian tổ chức lễ hội, chương trình, sự kiện.

Chương VI

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, GIAO THÔNG

Điều 15. Nội dung quản lý

1. Quản lý, vận hành, bảo trì công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ bảo đảm theo quy trình định mức hiện hành và pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng kinh phí cho công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Xây dựng các kế hoạch, chương trình phát triển, mở rộng, điều chỉnh bổ sung hoặc cải tạo, nâng cấp khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo định hướng phát triển.

4. Xây dựng hoặc bổ sung, hoàn thiện quy trình vận hành; tham mưu xây dựng và đề xuất ban hành định mức, đơn giá đối với các hạng mục, công việc chưa có định mức, đơn giá trong công tác quản lý, vận hành, bảo trì.

5. Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Kịp thời xử lý sự cố, khắc phục những hư hỏng của công trình, các tình huống phát sinh tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

Điều 16. Trách nhiệm quản lý, phối hợp

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ và các hoạt động khác tại khu vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về phương hướng phát triển, mở rộng, điều chỉnh, bổ sung, thay đổi chức năng hoặc cải tạo, nâng cấp khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

c) Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các vấn đề kiến nghị phát sinh liên quan đến hoạt động của công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ, trừ những vấn đề đã phân cấp cho Sở Xây dựng.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giải quyết các vấn đề phát sinh đối với công tác quản lý hầm hào kỹ thuật liên quan đến viễn thông.

e) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội thành phố trong công tác tuyên truyền thực hiện nghiêm các nội quy, quy định quản lý Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

g) Giao nhiệm vụ cho Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các sở, ban ngành trong việc thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì công viên và công tác tổ chức các hoạt động trong khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị viễn thông trong việc khai thác, vận hành sử dụng hạ tầng viễn thông tại Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

3. Sở Tài chính

Thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao dự toán kinh phí hàng năm cho Sở Xây dựng để đảm bảo cho công tác quản lý, vận hành công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo quy định.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị xã hội Thành phố

a) Tuyên truyền vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện các quy định về giữ gìn trật tự công cộng.

b) Vận động nhân dân chấp hành nghiêm các quy định quản lý công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

c) Thực hiện giám sát công tác quản lý nhà nước của các sở ngành đối với Công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

5. Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

a) Tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo quy định hiện hành.

b) Xây dựng kinh phí cho công tác quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Tham mưu, đề xuất các kế hoạch, chương trình phát triển, cải tạo, nâng cấp thuộc công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ theo kế hoạch định hướng, phát triển.

d) Rà soát, xây dựng hoặc bổ sung, hoàn thiện quy trình vận hành; tham mưu xây dựng và đề xuất ban hành định mức, đơn giá đối với các hạng mục, công việc chưa có định mức, đơn giá trong công tác quản lý, vận hành, bảo trì.

e) Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông; Kịp thời xử lý sự cố, khắc phục những hư hỏng của công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông: Kiểm tra kết cấu lòng đường, vỉa hè thường xuyên và định kỳ, không để xảy ra tình trạng bong tróc lòng đường, vỉa hè; Kiểm tra, vận hành nhà điều khiển ngầm theo định kỳ, đúng quy trình, đảm bảo hệ thống nhạc nước, đèn chiếu sáng nghệ thuật hoạt động tốt, giải quyết nhanh, gọn những trục trặc nhỏ xảy ra; Kiểm tra, sửa chữa hầm hào kỹ thuật điện viễn thông theo định kỳ để phát hiện sự cố, khắc phục, sửa chữa kịp thời, giải quyết nhanh các sự cố về điện, viễn thông; Duy tu công tác cấp thoát nước và hệ thống đèn chiếu sáng công cộng theo đúng quy trình kỹ thuật hiện hành trên khu vực này, không để xảy ra tình trạng ngập, nghẹt, hư hỏng hệ thống chiếu sáng công cộng, nhanh chóng sửa chữa các lỗi kỹ thuật đột xuất xảy ra; Duy tu nhà vệ sinh công cộng ngầm thường xuyên, không để xảy ra tình trạng ngập, nghẹt, ô nhiễm môi trường trong khu vực nhà vệ sinh công cộng ngầm; Duy tu, bảo dưỡng hệ thống ghế ngồi, phòng hút thuốc công cộng, hệ thống mạng không dây, hệ thống camera, biển hiệu, vật kiến trúc khác đảm bảo chất lượng phục vụ.

g) Bố trí đội ngũ cán bộ và công nhân đủ năng lực; trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông.

h) Khi phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố, phải có trách nhiệm thông báo và phối hợp kịp thời với cơ quan có thẩm quyền

tham gia xử lý và xử lý sự cố xảy ra; Phối hợp với cơ quan chuyên môn giải quyết các sự cố phát sinh trong quá trình quản lý kịp thời, hiệu quả và tiết kiệm.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Xây dựng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Quận 1 và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố tùy chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Quận 1, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động tại khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ.

3. Giám đốc Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác quản lý, vận hành, bảo trì công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ; triển khai thực hiện các biện pháp quản lý cụ thể tại khu vực này; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và giải quyết các khó khăn, vướng mắc của đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Định kỳ 06 tháng báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố về các nội dung quản lý và các vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện Quy chế này.

Điều 18. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc quản lý khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ được khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi có những hoạt động liên quan đến khu vực công viên Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Huệ phải tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ và trường hợp cụ thể mà có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2020/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 5 tại Tờ trình số 1932/TTr-TP ngày 21 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 06 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành, gồm:

1. Quyết định số 996/2002/QĐ-UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của lực lượng gom rác dân lập trên địa bàn Quận 5;
2. Quyết định số 5193/2002/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Quận 5 về việc ban hành Quy định tạm thời về nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ phó Tổ dân phố phụ trách công tác thanh niên;
3. Quyết định số 32/2006/QĐ-UB ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Quận 5 về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân phường;
4. Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh và nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn Quận 5;
5. Quyết định số 02/2012/QĐ-UB ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Quận 5;
6. Quyết định số 03/2012/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ các cơ quan, tổ chức thuộc Quận 5.

Lý do: Không còn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường Quận 5 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quốc Huy

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4818/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án hình thành và phát huy các Hội đồng phát triển
các ngành kinh tế giai đoạn 2020 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 8 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ

chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Thông báo số 5504-TB/TU ngày 17 tháng 8 năm 2020 thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án hình thành và phát huy các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 9407/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án hình thành và phát huy các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2020 - 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN HÌNH THÀNH VÀ PHÁT HUY CÁC HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN
CÁC NGÀNH KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**
*(Kèm theo Quyết định số 4818/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

MỤC LỤC

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ ÁN	Trang 6
I. Sự cần thiết việc xây dựng đề án:	6
II. Căn cứ pháp lý:.....	8
III. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu:	9
1. Mục tiêu nghiên cứu:	9
2. Nhiệm vụ:.....	10
Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	10
I. Thực trạng tình hình phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 ...	10
1. Về phát triển dịch vụ:.....	11
2. Về phát triển công nghiệp:	17
3. Về phát triển nông nghiệp:.....	19
II. Thực trạng công tác xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách phát triển các ngành kinh tế của Thành phố:.....	20
1. Công tác xây dựng chính sách:	20
2. Về công tác triển khai các chính sách phát triển các ngành kinh tế:	21
III. Mục tiêu, định hướng phát triển các ngành kinh tế Thành phố	22
1. Về dịch vụ:	22
2. Về công nghiệp:	25
3. Về nông nghiệp:	26
4. Định hướng xây dựng và triển khai các chính sách phát triển các ngành kinh tế trong giai đoạn tới:	27
Chương 3: CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ THÀNH PHỐ	27
I. Xác định các ngành kinh tế cần hình thành Hội đồng:.....	27
1. Các Hội đồng phát triển ngành kinh tế đã được thành lập:	28
2. Các Hội đồng phát triển ngành đề xuất thành lập bổ sung:.....	28
II. Cơ chế hình thành và phát huy, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động các Hội đồng phát triển ngành kinh tế.....	28

1. Cơ chế hình thành:	28
2. Số lượng, thành phần và cơ cấu Hội đồng phát triển ngành kinh tế.....	30
3. Nội dung, phương thức hoạt động và cơ chế vận hành	30
4. Môi quan hệ với các tổ chức, đơn vị liên quan.....	34
III. Một số vấn đề đặt ra để phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế:	34
IV. Cơ chế, chính sách, giải pháp để phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế.....	36
Chương 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	43

Chương I

TỔNG QUAN VỀ ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế, có nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề kinh tế phát triển đa dạng, tập trung các ngành nghề có hàm lượng khoa học - kỹ thuật, giá trị kinh tế cao; là đầu tàu, động lực, có sức hút và lan tỏa không chỉ đến Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mà đến các vùng kinh tế khác trong cả nước. Trong những năm qua, kinh tế Thành phố liên tục tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học - công nghệ cao chiếm tỉ trọng ngày càng lớn, các nguồn lực xã hội được phát huy; quy mô kinh tế tiếp tục được mở rộng; vị trí, vai trò của Thành phố đối với Vùng và cả nước ngày càng được khẳng định, đóng góp tích cực vào quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Dù đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển, nhưng nhìn chung tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với vị trí, vai trò và tiềm năng của Thành phố. Chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh chưa cao, tỉ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng cao còn thấp. Nguyên nhân là do Thành phố ít có đột phá mạnh mẽ và kiến nghị với Trung ương để có cơ chế, chính sách phát huy tiềm năng, lợi thế; đồng thời chưa có chủ trương, biện pháp tạo sự đột phá trong thu hút đầu tư, thực hiện đối tác công tư... Trên bình diện cả nước, các chính sách đổi mới giúp tạo ra những động lực cho phát triển kinh tế trước đây cơ bản không còn dư địa để tiếp tục đổi mới. Cả nước nói chung và Thành phố nói riêng cần những đột phá mạnh mẽ đủ sức tiếp bước những thành công trong quá khứ, đủ sức tạo động lực để vượt qua các rào cản và định hình các khuôn khổ hướng tới thành công.

Bên cạnh các vấn đề nêu trên, cơ chế quản lý, xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế Thành phố vẫn theo cách làm cũ, chưa có sự đổi mới để thu hút được trí tuệ, kinh nghiệm của các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế cùng tham gia. Cụ thể việc xây dựng chính sách và điều hành phát triển kinh tế Thành phố trong thời gian vừa qua, đặc biệt là các ngành kinh tế chủ lực, mũi nhọn còn chủ yếu dựa vào bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước, thiếu sự tham gia của các nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp; dẫn đến các chủ trương chính sách đôi khi còn có tính chung chung, thiếu các căn cứ biện chứng khoa học, chưa theo sát

được với thực tiễn sự phát triển của thị trường và hoạt động của doanh nghiệp, ...nên còn bị động, chưa phát huy được hiệu quả cao khi triển khai thực hiện.

Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố đã có nhiều quan tâm đến hoạt động của các doanh nghiệp, các nhà khoa học; đã tổ chức nhiều buổi hội thảo, hội nghị với sự tham gia của các trường, viện, doanh nghiệp ngành, nhà khoa học để trao đổi, thảo luận về các chủ trương, chính sách, cũng như việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động này còn bị động; sự tham gia của các doanh nghiệp ngành, các cơ quan nghiên cứu khoa học, tổ chức tài chính trong việc nghiên cứu, xây dựng và phối hợp theo dõi quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển ngành còn rời rạc, chưa có sự kết nối. Đã có sự kết nối giữa ngân hàng với doanh nghiệp, nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp nhưng hiệu quả chưa cao, cần có sự tham gia của chính quyền để gỡ rối về chính sách.

Do đó, việc hình thành và phát huy các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và tổ chức tài chính trong việc nghiên cứu, xây dựng và phối hợp theo dõi quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển các ngành kinh tế trong thời gian tới, góp phần tích cực và có hiệu quả nhất đối phát triển kinh tế - xã hội Thành phố. Theo đó, mỗi Hội đồng phát triển các ngành kinh tế bao gồm doanh nghiệp, nhà nghiên cứu, ngân hàng, chính quyền. Hội đồng họp định kỳ và trong các trường hợp cần thiết để: (i) tham gia góp ý việc xây dựng cơ chế, chính sách và điều hành phát triển kinh tế Thành phố, đặc biệt là các ngành kinh tế chủ lực, mũi nhọn chủ yếu; (ii) phối hợp theo dõi quá trình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm kịp thời tổng hợp báo cáo Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách và đề xuất các giải pháp để điều chỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; (iii) lắng nghe, chia sẻ, cập nhật các thông tin mới có liên quan đến sự phát triển của ngành; tiếp nhận các ý kiến phản biện, góp ý chính sách từ những tổ chức, cá nhân có tâm huyết, có năng lực chuyên môn một cách bài bản, hiệu quả để từ đó xem xét việc tiếp tục tổ chức nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và kịp thời, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp cần thiết.

Đề án hình thành và phát huy các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế dựa trên cơ sở tổng kết những thành tựu, chỉ rõ những tồn tại hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế liên quan đến của các ngành kinh tế trong thời gian qua; là cơ sở để

tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập các Hội đồng phát triển các ngành.

Sự hình thành và phát triển các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế tạo cơ sở để đề xuất các cơ chế và chính sách đẩy mạnh các hoạt động phát triển các ngành trên địa bàn thành phố, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc xây dựng Đề án hình thành và phát huy các hội đồng phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 căn cứ vào một số văn bản quan trọng sau:

- Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

- Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phát triển hệ thống trung tâm logistics đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025.

- Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần XI.

- Kết luận số 379- KL/TU ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về xác định danh mục nhóm sản phẩm chủ lực và công tác điều hành, cơ chế chính sách phát triển nhóm sản phẩm chủ lực của thành phố.

- Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về kích cầu đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của Thành phố.

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

- Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành danh mục nhóm sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp.

- Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

III. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu, đề xuất việc hình thành và các cơ chế, chính sách phát huy hiệu quả hoạt động của các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế nhằm: (i) huy động các nguồn nhân lực trí tuệ toàn xã hội (bao gồm đại diện các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu khoa học và đào tạo phục vụ ngành, các tổ chức tài chính và các cơ quan nhà nước Thành phố) tham gia vào quá trình nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực, tạo động lực phát triển kinh tế Thành phố; theo dõi quá trình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đảm bảo kịp thời phát hiện và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; (ii) tạo sự gắn kết giữa các thành phần kinh tế góp phần đổi mới cơ chế quản lý của Thành phố; qua đó phát huy tối đa lợi thế của các thành phần kinh tế trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách phát triển ngành.

2. Nhiệm vụ

- Trên cơ sở thực trạng tình hình phát triển các ngành kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2025, xác định và đề xuất các ngành kinh tế cần thành lập Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế hình thành; cơ cấu tổ chức; nội dung, nguyên tắc hoạt động và các giải pháp, kiến nghị để đảm bảo thu hút được rộng rãi, có chọn lọc các thành viên là những người có trình độ chuyên môn cao, kiến thức rộng và trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các Hội đồng phát triển ngành kinh tế Thành phố hoạt động hiệu quả.

- Xác định cụ thể các cơ chế, chính sách đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình triển khai hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

- Xác định các nguồn lực cần thiết để hình thành, duy trì và phát triển các Hội đồng này.

Chương II

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Thực trạng tình hình phát triển các ngành kinh tế thành phố giai đoạn 2016 - 2020

Chất lượng tăng trưởng kinh tế Thành phố được cải thiện, cơ bản phát triển kinh tế dựa trên nền tảng dịch vụ và đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, thể hiện qua cả 3 mặt sau: (1) đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tăng liên tục qua các năm, năm 2016 là 35,3%, năm 2020 ước đạt 42%, bình quân cả giai đoạn đạt 38,42%, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (33,17%); (2) Năng suất lao động theo giá hiện hành (triệu đồng/người lao động) của Thành phố các năm 2010, 2015, 2020 lần lượt đạt 139,3 triệu, 222,6 triệu và 326,7 triệu, cao hơn từ 2,7 đến 3 lần so với cả nước; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 6,2%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 là 4,8%/năm; (3) Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được nâng lên, chỉ số ICOR giảm từ 4,53 năm 2015 xuống còn 5,31 năm 2020, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,63 (thấp hơn giai đoạn 2011 - 2015 là 4,76).

Hiện trạng chuyển dịch cơ cấu khu vực kinh tế giai đoạn 2016 - 2020

	2010	2015	2016	2017	2018	2019	2020
GRDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	512.522	919.025	1.005.537	1.114.600	1.225.995	1.338.179	1.450.059
Cơ cấu (%)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Nông, nghiệp, thủy sản	0,67	0,73	0,72	0,66	0,66	0,67	0,52
Công nghiệp, xây dựng	27,52	25,00	24,88	24,75	24,72	24,17	24,53
Dịch vụ	57,67	61,66	61,24	61,50	61,71	62,18	62,16
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	14,14	12,61	13,17	13,09	12,90	12,98	12,79

Cụ thể phát triển của các lĩnh vực như sau:

1. Về phát triển dịch vụ

Các ngành dịch vụ phát triển đúng định hướng, đạt kết quả tăng trưởng cao cả về quy mô và năng suất, chất lượng; trong đó 9 ngành dịch vụ chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành dịch vụ; ngành thương mại phát triển theo hướng hiện đại, nhất là thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân; ngành du lịch tiếp tục dẫn đầu cả nước và là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố; ngành vận tải, cảng và kho bãi đã chuyển dịch mạnh mẽ với việc hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm đã rút ngắn thời gian lưu thông và vận chuyển hàng hóa giữa các khu vực, vùng miền; dịch vụ giáo dục đào tạo đã chuyển dịch theo hướng đào tạo nguồn nhân lực cho 4 ngành công nghiệp trọng yếu và nhóm 9 ngành dịch vụ chủ yếu, dịch vụ y tế phát triển theo hướng y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu.

Hoạt động thương mại, dịch vụ cùng với sự phát triển của hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ rộng khắp đã thúc đẩy lưu thông hàng hóa, góp phần kích thích sản xuất; việc triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu đã tạo hiệu ứng lan tỏa, chất lượng hàng hóa đảm bảo và giá cả ổn định, góp phần bình ổn thị trường.

Thị trường trong nước duy trì ổn định nhờ các giải pháp kích cầu tiêu dùng thông qua các chương trình khuyến mại, giảm giá của các doanh nghiệp phân phối,

các đợt tổ chức hội chợ, triển lãm. Thành phố đã thực hiện tốt vai trò điều phối cung - cầu hàng hóa giữa Thành phố và các tỉnh, thành; hỗ trợ doanh nghiệp đưa hàng về cung ứng, tiêu thụ tại các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thành phố an tâm đầu tư, liên kết phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng nhà máy, mở rộng trang trại... phát triển hệ thống phân phối, xây dựng vùng nguyên liệu đảm bảo cung cầu hàng hóa, bình ổn thị trường cho Thành phố và cả khu vực. Các doanh nghiệp thành phố có thế mạnh trong sản xuất, chế biến và phân phối hàng hóa, có thị phần và nguồn lực vốn thực hiện liên kết, hợp tác với doanh nghiệp các địa phương có kinh nghiệm, tiềm năng trong sản xuất nguồn nguyên liệu, các sản phẩm đặc sản... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, thực hiện các dự án sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và mở rộng mạng lưới phân phối gắn với thu mua, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động và thực hiện nhiệm vụ bình ổn thị trường ngay tại các địa phương.

Thành phố đã tập trung đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối theo hướng văn minh, hiện đại và giảm dần các hình thức phân phối truyền thống. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển các loại hình kinh doanh tiện ích vào trong lĩnh vực thương mại đã góp phần đáng kể trong việc chuyển đổi phương thức kinh doanh của doanh nghiệp thành phố theo hướng hiện đại; kết nối nhà cung cấp và người tiêu dùng đến gần nhau hơn, rút ngắn tầng nấc trung gian. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2016 - 2020 gấp 1,74 lần quy mô thị trường thương mại dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015, tăng bình quân 12,1%/năm (theo giá thực tế), cao hơn so với mức tăng trưởng của giai đoạn 2011-2015 (tăng 12,5%/năm). Hệ thống phân phối hiện đại đã phát triển về số lượng và chất lượng, phủ khắp 24 quận, huyện đã thúc đẩy lưu thông hàng hóa và sản xuất.

Thành phố đã triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 - 2020 nhằm hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp và người tiêu dùng đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử; dẫn đầu cả nước về Chỉ số thương mại điện tử qua các năm 2017, 2018, 2019. Tỷ trọng doanh số mua bán trực tuyến trên tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8,14% (khách hàng bao gồm dân cư Thành phố và các tỉnh, thành khác). Ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp có sự tăng trưởng rõ rệt, bước đầu thực hiện cho phép đặt hàng và thanh toán trực tuyến. Các doanh nghiệp bắt đầu thiết lập website trên nền tảng di động và xây dựng các ứng dụng, người tiêu dùng mua sắm trên các kênh truyền hình và mạng xã hội có chuyển khoản qua các ngân hàng chiếm khoảng 17,6% tổng số người mua hàng trực tuyến.

Hoạt động tín dụng tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vốn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... nhằm mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Tín dụng duy trì tốc độ tăng trưởng và tăng trưởng ổn định trong suốt thời gian qua, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 17,8%/năm. Với quy mô dư nợ tín dụng cao đã góp phần quan trọng trong đầu tư và phát triển kinh tế Thành phố thông qua các hoạt động cho vay sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư. Tín dụng trung dài hạn, với cơ cấu luôn duy trì ở mức chiếm trên 50% trong tổng dư nợ tín dụng đã góp phần quan trọng trong quá trình đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như triển khai thực hiện các dự án phát triển cơ sở hạ tầng của Thành phố.

Trong quản lý, Thành phố đã phối hợp với các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 gắn với phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống tổ chức tín dụng. Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành; xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình, quy định nội bộ liên quan để công tác chỉ đạo, điều hành trong toàn hệ thống được xuyên suốt và triệt để; các tổ chức tín dụng từng bước đã tái cấu trúc mô hình quản lý phù hợp với quy mô và định hướng phát triển; nghiên cứu, xây dựng, thiết lập và triển khai hệ thống quản trị tiên tiến trên cơ sở tiếp thu mô hình quản lý của các tổ chức tài chính lớn trên thế giới, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào từng quy trình, từng khâu để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành.

Nội bộ ngân hàng cũng thường xuyên có các giải pháp cơ cấu lại hoạt động, trong đó tập trung sắp xếp các đơn vị kinh doanh kém hiệu quả, hoàn thiện dịch vụ ngân hàng hiện có, phát triển các dịch vụ ngân hàng mới dựa trên công nghệ hiện đại, phát triển hệ thống ATM và POS theo chính sách không dùng tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; xây dựng chiến lược kinh doanh mới, tập trung tín dụng vào những lĩnh vực khuyến khích đầu tư, vào đối tượng hỗ trợ theo chủ trương của Chính phủ như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ; xác định nền tảng công nghệ thông tin là cơ sở phát triển dịch vụ, các ngân hàng đều tập trung hoàn thiện, nâng cấp và cập nhật phần mềm ngân hàng lõi, xây dựng hệ thống trung tâm dữ liệu dự phòng, áp dụng mới trong bảo mật dữ liệu.

Các công ty tài chính/cho thuê tài chính đã nỗ lực phát triển các sản phẩm dịch vụ như cho vay tiêu dùng, cho vay bằng tiền mặt, cho thuê máy móc, thiết bị, đặc biệt

máy móc thiết bị nông - lâm - thủy sản. Hiện các đơn vị này đang nghiên cứu triển khai các sản phẩm thế tin dụng để đa dạng hóa hoạt động.

Thị trường bất động sản phát triển, trong đó có cả nhà ở đã góp phần rất quan trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân. Chủ thể tham gia thị trường bất động sản từng bước được hoàn thiện, góp phần cho thị trường phát triển. Đội ngũ các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong nước, cũng như nước ngoài, các đơn vị tư vấn, doanh nghiệp xây dựng, vật liệu xây dựng; hệ thống dịch vụ hỗ trợ cho thị trường bất động sản như các sàn giao dịch bất động sản, hệ thống thông tin bất động sản, công chứng, đăng ký sở hữu, hệ thống cung cấp dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản tại Thành phố ngày càng phát triển về quy mô và chất lượng cao hơn.

Các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đã tái cấu trúc doanh nghiệp; tự điều chỉnh cơ cấu kinh doanh, đưa ra các chiến lược phù hợp với tình hình thị trường; ưu tiên đầu tư những dự án có vị trí tốt, hạ tầng giao thông thuận lợi; hướng mạnh vào phân khúc thị trường có khả năng thanh toán như phân khúc bình dân, với mức giá hợp lý phù hợp với nhu cầu thị trường; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, áp dụng công nghệ thi công tiên tiến và sử dụng vật liệu mới, tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, qua đó có thể cạnh tranh về giá, về chất lượng và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

- Phát triển thị trường khoa học, công nghệ: Đầu tư từ ngân sách cho khoa học công nghệ bình quân giai đoạn chiếm 2,87% tổng chi ngân sách; các loại hình dịch vụ khoa học công nghệ về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được phát triển mạnh với hơn 100 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thu hút được vốn đầu tư để phát triển dự án. Từ đó, thành phố đã có những đóng góp quan trọng cho hoạt động đổi mới sáng tạo của quốc gia, góp phần cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam tăng 17 bậc so với năm 2016, lên vị trí 42/129 quốc gia, đứng thứ 3 Đông Nam Á về số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp (năm 2019), chỉ số TFP thành phố đạt 38,1% (2018) và tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 36,4% (2019), tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 15,94%. Thành phố còn đặc biệt quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực khám và điều trị, đã đưa nhiều kỹ thuật cao vào lĩnh vực lâm sàng, cận lâm sàng vào công tác khám chữa bệnh như: mổ tim, ghép thận, điều trị can thiệp tim mạch, phẫu thuật bằng robot. Thành phố đã ban hành Kế hoạch phát triển trung tâm y tế chuyên sâu và triển khai loại hình du lịch y tế từ năm 2017. Từ năm 2016 đến nay, hơn 300.000 lượt doanh nghiệp đã

tiếp cận thông tin công nghệ, hơn 10.000 lượt doanh nghiệp đã được tư vấn về công nghệ, kết nối với nhà cung ứng, thúc đẩy hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ. Đến nay có khoảng 200 đơn vị đang thực hiện các hoạt động dịch vụ trung gian. Hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ luôn được chú trọng, góp phần tạo môi trường kinh doanh của thành phố lành mạnh, thu hút đầu tư hiệu quả hơn. Hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thời gian qua được quan tâm đẩy mạnh và đã mang lại tín hiệu tích cực.

- Hoạt động xuất nhập khẩu của Thành phố tiếp tục phát triển, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu cả nước giai đoạn 2016 - 2020 gấp 1,44 lần giai đoạn 2011 - 2015. Cơ cấu hàng xuất khẩu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố, giá trị gia tăng trên sản phẩm được cải thiện. Cơ cấu thị trường xuất khẩu chuyển dịch mạnh mẽ sang các nước/vùng lãnh thổ mà Việt Nam có tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA).

- Ngành du lịch được đánh giá là một trong những trung tâm du lịch lớn nhất cả nước, mỗi năm đón hàng triệu lượt du khách quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng, chiếm 50% tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Tổng thu du lịch chiếm khoảng 1/4 tổng thu du lịch của cả nước. Các chỉ tiêu chủ yếu của ngành du lịch Thành phố có tốc độ tăng trưởng khá, thời điểm sau luôn cao hơn so với cùng kỳ. Khách quốc tế đến Thành phố tăng trưởng bình quân đạt hơn 14% và bằng khoảng 50% lượng khách quốc tế đến cả nước. Khách du lịch nội địa bằng khoảng 1/3 lượng khách du lịch nội địa của cả nước. Năm 2019 du lịch Thành phố đạt 8,619 triệu lượt khách quốc tế, 32,77 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu du lịch đạt 140.017 tỷ đồng.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn một số hạn chế, khó khăn:

Chất lượng tăng trưởng nhìn chung chưa bền vững, năng lực cạnh tranh chưa cao; cơ cấu nội bộ các ngành tuy có sự chuyển biến tích cực, đúng định hướng, nhưng hàm lượng giá trị gia tăng còn thấp, tỷ lệ sản xuất gia công còn cao; sức cạnh tranh chưa tăng nhiều.

Số doanh nghiệp ngoài nhà nước nhiều nhưng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa nên đầu tư chính vào thương mại dịch vụ, chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới. Một số hộ kinh doanh cá thể chưa chuyển đổi mô hình hình kinh doanh. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khó tiếp cận các nguồn vốn tín dụng của các ngân hàng và mặt bằng sản xuất kinh doanh. Trình độ

công nghệ và tay nghề của công nhân của doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa cao; thiết bị, máy móc lạc hậu; năng suất lao động thấp; chất lượng sản phẩm không ổn định; năng lực quản trị điều hành của nhiều doanh nghiệp còn yếu.

Tỷ lệ đầu tư đổi mới công nghệ còn thấp, công nghệ sản xuất chưa cao; tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, liên kết doanh nghiệp trong nước, nước ngoài chưa rõ nét; sự gia tăng hiệu quả sử dụng vốn, năng suất lao động chưa bền vững; cơ cấu sử dụng đất chưa phù hợp với cơ cấu kinh tế.

Chưa gắn kết hệ thống logistics và xuất nhập khẩu do quy mô của doanh nghiệp dịch vụ logistics còn nhỏ, sức cạnh tranh yếu, cơ sở hạ tầng logistics còn yếu và chưa đồng bộ, còn thiếu các giải pháp trọn gói,... dẫn đến chất lượng phục vụ còn hạn chế, chi phí dịch vụ logistics cao so với các nước trong khu vực.

Hệ thống bán lẻ trong nước đang chịu nhiều sức ép cạnh tranh với nước ngoài. Các doanh nghiệp bán lẻ trong nước còn nhiều mặt hạn chế như chiến lược đầu tư phát triển chưa được chú trọng; tính chuyên nghiệp không cao; hạn chế về năng lực tài chính; các dịch vụ hậu mãi chưa tốt.

Hoạt động thương mại điện tử còn khó khăn trong công tác quản lý nhà nước nhất là trong vấn đề quản lý và thu thuế, tình trạng hàng nhái, hàng không đảm bảo chất lượng còn xuất hiện.

Xuất khẩu tăng trưởng chủ yếu ở những nhóm mặt hàng dựa vào nguồn lao động rẻ và gia công hơn là những mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Sản xuất xuất khẩu đối mặt với nhu cầu nhập khẩu ở các nước suy giảm mạnh và xu hướng bảo hộ tăng ở một số thị trường. Giá và lượng xuất khẩu của nhiều hàng hóa giảm, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là các mặt hàng gia công, vì vậy giá trị gia tăng thấp, chưa thực sự tham gia vào chuỗi sản xuất và lưu thông sản phẩm của các tập đoàn đa quốc gia. Môi trường kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, đặc biệt là quan hệ thương mại giữa các cường quốc kinh tế; trong đó sự suy giảm kinh tế của các nền kinh tế lớn đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tăng trưởng xuất khẩu còn phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI và chủ yếu ở những nhóm mặt hàng dựa vào nguồn lao động rẻ và gia công hơn là những mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Hàng công nghiệp chế biến phục vụ thị trường trong nước cũng chịu sức ép cạnh tranh của hàng nhập khẩu sau khi thuế nhập khẩu nhiều mặt hàng giảm theo lộ trình thực hiện các hiệp định thương mại tự do.

Cơ chế hỗ trợ sự vận hành của thị trường còn thiếu hoặc chưa phát huy hiệu quả. Trình độ phát triển của các loại thị trường thấp, vận hành chưa thật sự đồng bộ, thông suốt; thị trường tài chính - tiền tệ và thị trường bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; thị trường khoa học - công nghệ phát triển chậm. Việc tự do hóa thương mại, đầu tư trong một số thị trường, lĩnh vực chưa sát hợp với thực tế phát triển của nền kinh tế. Chậm xây dựng hàng rào kỹ thuật cần thiết và hệ thống quản lý thị trường đủ năng lực và hiệu quả để bảo vệ thị trường trong nước, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, ngăn chặn gian lận thương mại, hàng giả, hàng lậu...

Việc phát triển thị trường khoa học và công nghệ chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Thành phố. Mối liên kết trong hoạt động khoa học và công nghệ giữa trường - viện và doanh nghiệp chưa chặt chẽ. Doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư nhiều vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới và sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Trình độ công nghệ trong doanh nghiệp đạt trung bình tiên tiến, tuy nhiên đa số doanh nghiệp là vừa và nhỏ nên năng lực tài chính và trình độ tiếp cận công nghệ còn hạn chế, thiếu nguồn nhân lực trình độ cao, những chuyên gia đầu ngành, nhất là trong các lĩnh vực trọng điểm như công nghệ sinh học, công nghệ vi mạch, công nghệ nano, trí tuệ nhân tạo,... Cơ sở vật chất hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

2. Về phát triển công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 7,06%/năm, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (6,92%/năm), trong đó 4 ngành công nghiệp trọng yếu ước tăng 6,62%/năm và là động lực cho tăng trưởng kinh tế của Thành phố. Khu công nghệ cao thu hút đầu tư của các tập đoàn, công ty sản xuất công nghiệp công nghệ tiên tiến, giá trị xuất khẩu tăng mạnh. Khoa học xã hội và nhân văn được chú trọng đầu tư và phát huy hiệu quả. Công nghiệp hỗ trợ ngày càng đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước, các doanh nghiệp đã từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất sản phẩm, trở thành nhà cung ứng phụ tùng, linh kiện cho sản phẩm hoàn chỉnh của ngành điện tử, ô tô,... của các tập đoàn nước ngoài, góp phần đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực sản xuất và cung ứng hàng hóa phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

Thành phố đã tập trung phát triển 4 ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng cao với nhiều giải pháp như: Ban hành danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng giai

đoạn 2018 - 2020 và các nhóm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; ưu tiên thu hút các dự án thuộc các ngành trên vào các khu công nghiệp, khu chế xuất; hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư đổi mới trang thiết bị, công nghệ thông qua chương trình kích cầu; tổ chức kết nối ngân hàng - doanh nghiệp,... Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới thuộc 4 ngành trọng yếu tăng bình quân 17,3%/năm; 2 ngành truyền thống (dệt may, da giày) tăng 15,2%/năm; trong lĩnh vực thương mại, ngành bán buôn và bán lẻ tiếp tục dẫn đầu về thu hút vốn đầu tư với số doanh nghiệp thành lập mới tăng thêm 27,6% mỗi năm. Tỷ lệ nội địa hóa của 4 ngành công nghiệp trọng yếu và 2 ngành công nghiệp truyền thống tăng qua các năm đạt 61,68% (năm 2014) tăng lên 71,32% (năm 2018), đạt chỉ tiêu đến năm 2020 (66%), cho thấy tỷ trọng của sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tạo ra trong nước trong giá trị của sản phẩm hoàn chỉnh ngày càng lớn, tham gia ngày càng nhiều vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thông qua các chương trình kích cầu đầu tư, Thành phố đã huy động được các nguồn lực xã hội (vốn, nhân lực, đất đai, kỹ thuật - công nghệ) cho đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp; đồng thời, hướng các nguồn lực này vào các lĩnh vực ưu tiên, các ngành công nghiệp trọng yếu. Qua đó đã giúp cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đổi mới máy móc, thiết bị và công nghệ, một số doanh nghiệp đã từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất sản phẩm, trở thành nhà cung ứng cấp 1, cấp 2 (cung ứng khuôn mẫu, linh kiện nhựa kỹ thuật, bao bì,...) cho sản phẩm hoàn chỉnh của ngành điện tử, ô tô,... của các tập đoàn đa quốc gia.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn một số hạn chế, khó khăn:

Công nghiệp Thành phố chủ yếu phát triển theo mục tiêu ngắn hạn, thiếu tính bền vững; năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu còn hạn chế; tính liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất công nghiệp các ngành, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước với các nhà sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, các doanh nghiệp FDI còn hạn chế.

Tình hình sản xuất công nghiệp bị tác động do doanh nghiệp có xu hướng mở rộng sản xuất hoặc đầu tư mới ở các tỉnh lân cận với lợi thế về giá thuê đất, chi phí đầu tư và nhân công thấp. Mặt bằng sản xuất và quỹ đất (diện tích, giá thuê) dành cho công nghiệp - công nghiệp hỗ trợ chưa phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ; trong khi mô hình nhà xưởng cao tầng chưa được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Các sản phẩm đa dạng theo nhu cầu thị trường và có doanh thu tăng khá nhưng sản lượng giảm hoặc tăng thấp; các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ chưa đa dạng, chưa sản xuất tổ hợp các bộ linh kiện phức tạp. Nhiều nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng doanh nghiệp

trong nước đã sản xuất được nhưng sản lượng, đơn hàng không đảm bảo cho doanh nghiệp cạnh tranh về giá. Doanh nghiệp nước ngoài chưa thực sự liên kết với doanh nghiệp trong nước, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm chưa cao. Chưa thu hút được các dự án có vốn đầu tư nước ngoài quy mô lớn.

3. Về phát triển nông nghiệp

Ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững, tập trung vào các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, kéo theo năng suất lao động tăng bình quân 21%/năm. Đã ban hành danh mục các sản phẩm chủ lực và tiềm năng của ngành nông nghiệp. Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp của năm 2019 đạt 550 triệu đồng/ha/năm, gấp 1,5 lần năm 2015 (367 triệu đồng/ha/năm). Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 là 5,6%/năm. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất, đảm bảo nguồn thực phẩm an toàn cho thành phố và là đầu mối tiếp nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật. Việc đầu tư xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Công nghệ sinh học và Trại trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao bước đầu được phát huy trong ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong việc chọn, lai tạo và sản xuất giống cây trồng, vật nuôi mới, có năng suất, chất lượng cao.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn một số hạn chế, khó khăn:

Ngành nông nghiệp vẫn chưa chuyển biến thật rõ nét như kỳ vọng. Sản xuất nông nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn, nhất là khi đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao đòi hỏi vốn đầu tư lớn, trong khi người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư khó tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng...; Ngoài ra, do diện tích đất nông nghiệp manh mún dẫn đến khó hình thành những vùng sản xuất tập trung, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ mới; tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán còn phổ biến, sức cạnh tranh thấp; các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp có chuyển biến nhưng vẫn chậm đổi mới, chưa phát triển sản xuất hàng hóa mạnh ở nông thôn; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

II. Thực trạng công tác xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách phát triển các ngành kinh tế của Thành phố

1. Công tác xây dựng chính sách

Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành nhiều chính sách quan trọng, có tác động tích cực và được người dân và doanh nghiệp đánh giá cao. Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành các chương trình, đề án nhánh để thực hiện Chương trình; đã ban hành Quyết định số 5792/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2016 thực hiện Thông báo số 269-TB/TU ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 thực hiện Thông báo số 1956-TB/TU ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án Quy hoạch phát triển ngành thương mại đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2017 về kế hoạch hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp; Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016, Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017 và Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 ban hành Kế hoạch cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tiếp tục triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư của thành phố, số 1246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2019 về ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng năm 2021.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng và ban hành các chính sách vẫn còn một số bất cập, tồn tại cần phải tiếp tục cải thiện. Nhiều chính sách được xây dựng chủ yếu là cụ thể hóa các văn bản do Trung ương ban hành mà thiếu đi tính sáng tạo, chủ động và điều kiện đặc thù của Thành phố trong khi trình độ phát triển kinh tế, dân số, lực lượng lao động và trình độ lao động, mối quan hệ đầu tư và ngoại thương của Thành phố khác rất nhiều 62 tỉnh thành còn lại. Do đó, các chính sách của Thành phố không khác gì nhiều so với các tỉnh thành khác, không tạo động lực để kinh tế bứt phá. Đây là cách làm còn mang tính kinh tế kế hoạch, chưa bám sát thị trường, dẫn đến nhiều chính sách, giải pháp chưa thực sự sát với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp hoặc gặp khó khăn trong quá trình thực hiện vì các quy định có liên quan trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Công tác dự báo, dự đoán tình hình của chúng ta còn thiếu và yếu, dẫn đến việc các chính sách không có tính đón đầu mà chủ yếu được ban hành để theo kịp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Việc lập chính sách chưa có lộ trình, chiến lược rõ ràng cho từng giai đoạn, chưa định hướng đầy đủ cho các doanh nghiệp và người dân để tập trung nguồn lực cho các mục tiêu ưu tiên của Thành phố

Việc tham mưu xây dựng chính sách chủ yếu là do các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện. Mặc dù theo quy trình vẫn có sự tham khảo ý kiến của các bên có liên quan nhưng thiếu đi cơ chế để việc lấy ý kiến được bài bản và huy động được trí tuệ của thành phần kinh tế, tầng lớp xã hội, đặc biệt là từ phía các doanh nghiệp và các nhà khoa học. Thiếu yếu tố phản biện xã hội dẫn đến một số chính sách chưa đáp ứng được yêu cầu từ phía các doanh nghiệp, đối tượng mà chính sách nhắm đến chưa thực sự nhận được đầy đủ lợi ích mà chính sách mang lại.

Quá trình xây dựng chính sách còn kéo dài trong khi đó diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới có sự thay đổi nhanh. Các vấn đề liên quan đến chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và đại dịch Covid-19 vừa qua là minh chứng cụ thể cho việc các yếu tố chiến lược trong phát triển kinh tế có thể thay đổi nhanh đến mức nào. Do đó, việc ban hành các chính sách của chúng ta có độ trễ nhất định so với thực tế, khi ban hành ra thì nhiều nội dung đã không còn phù hợp và không phát huy tác dụng đầy đủ như dự định ban đầu.

2. Về công tác triển khai các chính sách phát triển các ngành kinh tế của Thành phố

Việc triển khai các chính sách phát triển các ngành kinh tế của Thành phố đã được các cơ quan quản lý nhà nước tích cực thực hiện. Nhiều ngành kinh tế đã có sự chuyển dịch rõ nét cả về chất lượng và lượng. Các chính sách đã giúp nhiều ngành kinh tế của Thành phố có vị thế cao hơn nhiều so với trước đây và có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy năng lực xuất khẩu và cung ứng hàng hóa, dịch vụ của Thành phố. Nhiều chính sách xã hội hóa cũng đã khuyến khích doanh nghiệp đầu tư thêm vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục, giúp nâng cao đời sống người dân và giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, quá trình triển khai chính sách đã bộc lộ một số nội dung cần phải làm tốt hơn trong thời gian tới. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai chính sách chưa được đầy đủ toàn diện, chủ yếu do nguồn lực của các cơ quan quản lý có hạn

trong khi Thành phố chưa có cơ chế để liên tục tiếp nhận những phản hồi của cộng đồng doanh nghiệp và người dân về việc áp dụng các chính sách của Thành phố.

Việc sơ kết, tổng kết chính sách còn thực hiện theo định kỳ, thiếu sự đánh giá, điều chỉnh liên tục cho phù hợp với tình hình thực tế dẫn đến việc triển khai thiếu linh hoạt, không đảm bảo mục tiêu đã đề ra.

Các chính sách được ban hành ra đời khi chưa thật đồng bộ, chưa có sự đối chiếu rà soát trên tổng thể để điều chỉnh và thống nhất kịp thời. Một số lĩnh vực thì nhiều chính sách cùng áp dụng nhưng cũng có lĩnh vực thì chưa có đầy đủ chính sách phù hợp được triển khai.

III. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Về dịch vụ

Tập trung phát triển nhanh khu vực dịch vụ, nhất là các nhóm ngành có giá trị gia tăng cao; cụ thể:

1.1. Phát triển ngành logistics

Thành phố tập trung phát triển ngành dịch vụ cảng, logistics. Đây là thế mạnh của Thành phố và có giá trị gia tăng cao (ngành logistic chiếm 10,6% trong GRDP trong khu vực dịch vụ). Đồng thời, Thành phố nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, cửa ngõ giao lưu quốc tế nên có nhiều lợi thế về giao lưu kinh tế - văn hóa. Việc phát triển ngành logistic trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ quan trọng, đúng chủ trương, chính sách của Thành phố; phát huy vai trò trung tâm giao dịch, lưu chuyển hàng hóa giữa các tỉnh/thành phía Nam và cả nước nói riêng và khu vực nói chung.

1.2. Khuyến khích phát triển các hình thức mua sắm hiện đại, thông minh; đẩy mạnh thương mại điện tử theo hướng đáp ứng nhu cầu mua sắm của từng cá nhân; khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử theo hướng kết hợp chặt chẽ, đan xen với các loại hình phân phối hiện hữu (có địa điểm bán hàng cụ thể) để tạo thành phương thức phân phối đa kênh; khuyến khích phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử góp phần đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp của doanh nghiệp trẻ trên địa bàn Thành phố.

Thực tế, trong thời gian qua, ngành thương mại phát triển theo hướng hiện đại, nhất là thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân;

chiếm 17,9% trong GRDP trong khu vực dịch vụ. Việc phát triển ngành thương mại điện tử trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ quan trọng, đúng chủ trương, chính sách của Thành phố.

1.3. Ngành tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm: Tập trung nghiên cứu, xây dựng định chế tài chính, phát triển sản phẩm và thị trường tài chính. Khuyến khích mở rộng thị trường ra cả nước và bước đầu tham gia vào thị trường vốn quốc tế.

Các chương trình tín dụng đã phát huy được hiệu quả, hệ thống các tổ chức tín dụng đã có nhiều hoạt động hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân với lãi suất ưu đãi và cơ chế tín dụng được điều chỉnh tích cực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Việc đầu tư và ứng dụng công nghệ đã thúc đẩy hoạt động thanh toán qua ngân hàng phát triển, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ, dịch vụ thanh toán của ngân hàng đối với khách hàng và nền kinh tế.

Việc phát triển ngành tài chính trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ quan trọng, đúng chủ trương, chính sách của Thành phố. Ủy ban nhân dân Thành phố đã giao Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố phối hợp với các sở, ngành nghiên cứu Đề án Phát triển trung tâm tài chính Thành phố. Do đó, việc thành lập Hội đồng phát triển ngành tài chính cũng phù hợp với chủ trương của Thành phố và góp phần đẩy nhanh việc triển khai thực hiện đề án Phát triển trung tâm tài chính Thành phố.

1.4. Dịch vụ tư vấn, khoa học - công nghệ: Tập trung phát triển các dịch vụ khoa học, công nghệ và tư vấn để tạo bước phát triển đột phá trong giai đoạn cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Chú trọng phát triển lĩnh vực thiết kế, tạo mẫu và lĩnh vực quảng cáo; phát triển thị trường công nghệ. Thúc đẩy các hoạt động hợp tác, kết nối các thành phần để hình thành hệ sinh thái hợp tác giữa Trường - Viện với khu vực công nghiệp, thúc đẩy các hoạt động hợp tác với cộng đồng khởi nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Cơ cấu và thực hiện có hiệu quả Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, nghiên cứu phát triển sản phẩm mục tiêu phục vụ doanh nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ phục vụ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và các chương trình đột phá của Thành phố. Đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài nhằm chuyển giao công nghệ, rút ngắn thời gian đưa kết quả nghiên cứu vào sử dụng.

1.5. Dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông: Mở rộng phát triển dịch vụ gia công, xử lý, quản lý dữ liệu từ xa, gắn với dịch vụ viễn thông - tin học - truyền thông; phát triển dịch vụ đa chức năng, khai thác các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng lưới viễn thông trong kỷ nguyên kỹ thuật số 4.0. Để tạo điều kiện phát triển trong lĩnh vực này, Ủy ban nhân dân Thành phố đã xây dựng và đang triển khai Đề án xây dựng Thành phố thành đô thị thông minh.

1.6. Ngành du lịch

Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, tiếp tục dẫn đầu cả nước, cứ 02 khách quốc tế đến Việt Nam thì có 01 khách đến Thành phố; đóng góp 11% trong cơ cấu GRDP của Thành phố và 17% vào nhóm ngành dịch vụ của Thành phố, góp phần tạo ra việc làm cho 140.000 lao động trực tiếp; được đánh giá, xếp hạng cao trên bản đồ du lịch của khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, hoạt động phát triển ngành du lịch chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thành phố. Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển du lịch; tuy nhiên Ban Chỉ đạo hoạt động theo nguyên tắc chỉ đạo tập trung, thống nhất nên hầu như toàn bộ các thành viên đều là đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nhà nước.

Ngoài tính liên ngành, liên vùng, du lịch còn mang tính “liên cấp, liên cơ quan”. Vì vậy, để du lịch Thành phố phát triển hơn nữa cần phải huy động trí tuệ tập thể của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cơ quan, đơn vị, cần có sự chung tay, chung sức của doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và của các tổ chức tín dụng và người dân để xác lập các nội dung, giải pháp hỗ trợ mà Thành phố cần thực hiện trong phát triển du lịch.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch Thành phố; liên kết với các tỉnh, thành phố xây dựng và phát triển các khu du lịch đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc trưng và chủ lực của Thành phố nhằm thu hút du khách; tập trung nâng chất các sự kiện và biến sự kiện trở thành sản phẩm quảng bá và thu hút khách, tăng độ dài lưu trú, chi tiêu bình quân và tỷ lệ quay lại của khách du lịch; nâng cao công tác nghiên cứu thị trường, tăng cường công tác truyền thông quảng bá du lịch để thu hút và phục vụ du khách trong và ngoài nước.

1.7. Ngành dịch vụ kinh doanh bất động sản

Ngành kinh doanh bất động sản chiếm 6,7% trong GRDP trong khu vực dịch vụ. Việc phát triển ngành bất động sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ quan trọng, đúng chủ trương, chính sách của Thành phố.

Các chủ thể tham gia thị trường bất động sản từng bước được hoàn thiện, góp phần cho thị trường phát triển. Đội ngũ doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong nước, cũng như nước ngoài, các đơn vị tư vấn, doanh nghiệp xây dựng, vật liệu xây dựng; hệ thống dịch vụ hỗ trợ cho thị trường bất động sản như các sàn giao dịch bất động sản, hệ thống thông tin bất động sản, công chứng, đăng ký sở hữu, hệ thống cung cấp dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản tại thành phố ngày càng phát triển về quy mô và chất lượng cao hơn.

Các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đã tái cấu trúc doanh nghiệp; tự điều chỉnh cơ cấu kinh doanh, đưa ra các chiến lược phù hợp với tình hình thị trường; ưu tiên đầu tư những dự án có vị trí tốt, hạ tầng giao thông thuận lợi; hướng mạnh vào phân khúc thị trường có khả năng thanh toán như phân khúc bình dân, với mức giá hợp lý phù hợp với nhu cầu thị trường; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, áp dụng công nghệ thi công tiên tiến và sử dụng vật liệu mới, tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, qua đó có thể cạnh tranh về giá, về chất lượng và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

2. Về công nghiệp

Thành phố tập trung vào những ngành, lĩnh vực, những công đoạn có hàm lượng giá trị gia tăng cao; phát triển các nhóm ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao; phát triển công nghiệp thời trang ngành dệt may - da giày, công nghiệp thiết kế; chuyển dần từ hoạt động gia công lắp ráp sang hoạt động sản xuất, xuất khẩu và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng trong và ngoài nước. Tập trung các giải pháp thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, hỗ trợ phát triển nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng của thành phố.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển khu vực công nghiệp của Thành phố xác định ngành nghề ưu tiên phát triển cần xây dựng dựa trên một số tiêu chí và nguyên tắc như sau:

- + Dựa vào lợi thế của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.
- + Là ngành có khả năng tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- + Có ý nghĩa nền tảng, có tác động lan tỏa cao đến các ngành kinh tế khác.
- + Sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường.
- + Có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao.
- + Phát triển công nghiệp tập trung vào một số ngành công nghiệp đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.

- Căn cứ tình hình phát triển và một số tiêu chí định hướng nêu trên, Thành phố ưu tiên phát triển một số ngành, nghề sau:

- + 4 ngành công nghiệp trọng yếu, chú trọng và ngành cơ khí và ngành điện tử.
- + Các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất thiết bị điện; sản xuất hàng điện tử; sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất sản phẩm từ cao su - plastic.

3. Về nông nghiệp

Tập trung vào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp đô thị, công nghệ sinh học; thực hiện mạnh mẽ cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây, giống con chất lượng và năng suất cao, từng bước hình thành trung tâm giống cây, giống con của khu vực; đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn, nông nghiệp sinh thái gắn với dịch vụ du lịch; tăng năng suất lao động và thu nhập lao động nông nghiệp và nông thôn.

Thực hiện Kết luận số 379 - KL/TU ngày 17/9/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về xác định danh mục nhóm sản phẩm chủ lực và công tác điều hành, cơ chế chính sách phát triển nhóm sản phẩm chủ lực của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về danh mục nhóm sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp. Vì vậy, để phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao Thành phố phát triển hơn nữa cần phải huy động trí tuệ tập thể của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cơ quan, đơn vị, cần có sự chung tay, chung sức của doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và của người dân để xác lập các nội dung, giải pháp bảo trợ mà lãnh đạo Thành phố chỉ đạo trong phát triển nông nghiệp.

4. Định hướng xây dựng và triển khai các chính sách phát triển các ngành kinh tế trong giai đoạn tới

Để nâng cao chất lượng xây dựng và triển khai các chính sách phát triển các ngành kinh tế, đề xuất một số định hướng như sau:

- Quá trình xây dựng chính sách phải có sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tầng lớp xã hội trên nguyên tắc phát huy trí tuệ tập thể và phản biện xã hội; đảm bảo các chính sách phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển kinh tế của quốc gia, của Thành phố; quy định của pháp luật nhưng cũng phải đảm bảo theo sát với thị trường, được các thành phần kinh tế tiếp thu và triển khai có hiệu quả, đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

- Các chính sách được xây dựng và ban hành phải huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế Thành phố; phải tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch, phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh và ngày càng hiện đại các loại thị trường góp phần phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững các ngành kinh tế, đảm bảo các nguồn lực cơ bản phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội Thành phố. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Các chính sách sau khi ban hành phải được giám sát quá trình triển khai thực hiện; kịp thời ghi nhận và tiếp thu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để có sự điều chỉnh linh hoạt, kịp thời phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả.

Chương III

CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ THÀNH PHỐ

I. XÁC ĐỊNH CÁC NGÀNH KINH TẾ CẦN HÌNH THÀNH HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ

Từ những thành tựu, tồn tại hạn chế trong thời gian qua và định hướng phát triển các ngành của Thành phố trong giai đoạn tới và ý kiến của các sở, ngành có liên quan, đề xuất thành lập Hội đồng phát triển các ngành như sau:

1. Các hội đồng phát triển ngành kinh tế đã được thành lập

Ngày 22/5/2020, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UBND về việc thành lập các Hội đồng phát triển ngành công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; bao gồm:

- Hội đồng phát triển ngành công nghệ thông tin - điện tử - viễn thông
- Hội đồng phát triển ngành cơ khí
- Hội đồng phát triển ngành cao su - nhựa
- Hội đồng phát triển ngành công nghiệp thực phẩm.

2. Các hội đồng phát triển ngành đề xuất thành lập bổ sung

- Trong lĩnh vực dịch vụ:
 - + Hội đồng phát triển ngành thương mại điện tử
 - + Hội đồng phát triển ngành dịch vụ vận tải, kho bãi, hệ thống cảng, logistics
 - + Hội đồng phát triển ngành tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm (gọi tắt là Hội đồng phát triển ngành tài chính)
 - + Hội đồng phát triển ngành dịch vụ tư vấn, khoa học - công nghệ
 - + Hội đồng phát triển ngành kinh doanh bất động sản
 - + Hội đồng phát triển ngành du lịch
- Trong lĩnh vực nông nghiệp:
 - + Hội đồng phát triển ngành nông nghiệp đô thị

II. CƠ CHẾ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT HUY, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CÁC HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ

1. Cơ chế hình thành

1.1. Thành phần tham gia Hội đồng phát triển các ngành kinh tế

Để đạt được mục đích nêu trên, cần có sự tham gia của các nhóm đối tượng sau:

- Đại diện các cơ quan nhà nước: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố; các cơ quan chuyên môn quản lý chuyên ngành gồm các sở, ngành chuyên môn quản lý ngành và đại diện sở, ngành có liên quan.

- Nhà khoa học: Đại diện từ các trường đại học, viện nghiên cứu, chuyên gia từ các tổ chức quốc tế hoặc các chuyên gia (nhà nghiên cứu) độc lập có uy tín trong và ngoài nước.

- Doanh nghiệp: Lãnh đạo các hiệp hội doanh nghiệp, các hội ngành nghề hoặc các nhà điều hành các doanh nghiệp mạnh trong ngành kinh tế.

- Tổ chức tài chính: Lãnh đạo các ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức tài chính.

1.2. Về quy trình thành lập Hội đồng phát triển ngành kinh tế

- Bước 1: Xác định nhân sự tham gia vào Hội đồng phát triển ngành kinh tế trên cơ sở cơ cấu Hội đồng ngành đã được xác định tại Đề án

Trên cơ sở chủ trương thành lập các Hội đồng phát triển ngành kinh tế, Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ cho sở, ngành chuyên môn chủ trì phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp, hội ngành nghề, các trường - viện đề xuất danh sách cá nhân phù hợp theo các nhóm đối tượng trên (kèm theo các thông tin cơ bản về lý lịch, quá trình công tác, các hoạt động nghiên cứu trong và ngoài nước,..) báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến trước khi mời tham gia Hội đồng.

- Bước 2: Quyết định thành lập Hội đồng phát triển ngành kinh tế và cơ quan thường trực.

Căn cứ kết quả làm việc với các cá nhân đã được Ủy ban nhân dân Thành phố dự kiến mời tham dự Hội đồng phát triển ngành kinh tế, sở, ngành chuyên môn phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố danh sách dự kiến thành lập Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xem xét cụ thể nhân sự, báo cáo Thường trực Thành ủy cho ý kiến trước khi ban hành Quyết định thành lập Hội đồng.

- Bước 3: Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế

Hội đồng phát triển ngành kinh tế sau khi được thành lập sẽ chủ động xây dựng, đề xuất quy chế hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc hoạt động đã được xác định tại Đề án. Đồng thời, xác định cơ quan thường trực Hội đồng phát triển ngành kinh tế là cơ quan giúp việc cho Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

Quy chế sẽ được trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, làm cơ sở triển khai hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

- Bước 4: Hội đồng phát triển ngành kinh tế được thành lập sẽ đề xuất cụ thể các nội dung cần triển khai.

Trên cơ sở Quy chế hoạt động được ban hành, Hội đồng phát triển ngành kinh tế sẽ chủ động đề xuất chương trình làm việc cụ thể.

2. Số lượng, thành phần và cơ cấu Hội đồng phát triển các ngành kinh tế

2.1. Số lượng thành viên Hội đồng

Dựa trên ý kiến của các sở, ngành và Quyết định thành lập các Hội đồng phát triển các ngành kinh tế đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020, đề xuất số lượng thành viên Hội đồng từ 15 đến 17 thành viên.

2.2. Thành phần tham gia Hội đồng và cơ cấu Hội đồng

- Đề xuất bao gồm 4 thành phần cơ bản gồm: Cơ quan quản lý nhà nước (có thể 5 - 6 thành viên, chiếm khoảng 30%); hiệp hội doanh nghiệp, hội ngành nghề hoặc đại diện doanh nghiệp; trường - viện nghiên cứu hoặc các nhà nghiên cứu có uy tín; đại diện các tổ chức tài chính.

- Cơ cấu hội đồng gồm: Chủ tịch, 02 phó chủ tịch, các thành viên; trong đó:

+ Chủ tịch Hội đồng do một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đảm nhiệm.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng do 01 đại diện lãnh đạo sở (đơn vị chủ trì phụ trách việc nghiên cứu, xây dựng, theo dõi quá trình triển khai thực hiện chính sách).

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện của doanh nghiệp hoặc hiệp hội doanh nghiệp).

+ Các thành viên Hội đồng.

- Cơ quan thường trực Hội đồng: là sở chủ trì phụ trách việc nghiên cứu, xây dựng, theo dõi quá trình triển khai thực hiện chính sách.

+ Tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng hoặc Ban Thư ký Hội đồng: Do Chủ tịch Hội đồng quyết định trên cơ sở đề xuất của các thành viên Hội đồng.

3. Nội dung, phương thức hoạt động và cơ chế vận hành

3.1 Nội dung hoạt động

- Dự báo, đề xuất định hướng phát triển các ngành trên cơ sở xu hướng phát triển của thế giới, đảm bảo phát triển bền vững về kinh tế - xã hội; tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố việc nghiên cứu, xây dựng và theo dõi quá trình triển khai thực hiện các chính sách, các chương trình, kế hoạch phát triển ngành kinh tế mũi nhọn; kịp thời phát hiện, thẩm định các vấn đề cụ thể mà ngành đang phải đối mặt, đề xuất các giải pháp phù hợp và khả thi thông qua việc khảo sát, đánh giá, thu thập thông tin về các hoạt động của ngành và các ngành có liên quan khác.

- Tạo diễn đàn để thảo luận, cập nhật các thông tin mới nhất về ngành liên quan đến lĩnh vực mình đang hoạt động, cụ thể: (1) các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin về chủ trương, định hướng, các quy định pháp luật mới của nhà nước; (2) thành viên là hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp sẽ thông tin về thực tế tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành; định hướng đầu tư phát triển của doanh nghiệp; những khó khăn, vướng mắc doanh nghiệp đang gặp phải; khả năng thực thi và tính hiệu quả của các cơ chế, chính sách phát triển ngành đối với hoạt động của doanh nghiệp; các kiến nghị, đề xuất; (3) thành viên là các nhà khoa học cung cấp thông tin về xu hướng phát triển của thế giới, các nghiên cứu khoa học có liên quan (nếu có); khả năng tham gia các đề tài nghiên cứu theo đặt hàng của các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp;... (4) thành viên là đại diện các tổ chức tài chính cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của ngành, các chính sách ưu đãi hoặc gói hỗ trợ của ngành, khả năng tham gia kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp,... Trên cơ sở đó, Hội đồng sẽ định hướng xây dựng, đề xuất các giải pháp thiết thực để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo sự kết nối giữa các thành phần kinh tế.

- Hỗ trợ Ủy ban nhân dân Thành phố và huy động các nguồn lực khác của xã hội trong việc phát triển ngành.

- Các thành viên Hội đồng có thể tương tác, trao đổi với nhau về các khả năng hợp tác giữa các bên để cùng góp phần cho sự phát triển chung của ngành và lợi ích của các bên.

3.2 Phương thức hoạt động

- Thành viên Hội đồng phát triển ngành kinh tế (các thành viên không là đại diện các cơ quan quản lý nhà nước) hoạt động trên cơ sở tự nguyện, không vì mục đích sinh lợi cho riêng cá nhân hay tổ chức nào, nhằm nghiên cứu, tư vấn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề liên quan đến phát triển các ngành.

- Hội đồng phát triển ngành kinh tế đóng vai trò là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu và người dân về những vấn đề đang được các bên quan tâm giải quyết trong ngành. Đồng thời, để tham vấn giải quyết các vấn đề, xác định định hướng và lập kế hoạch hành động nhằm phát triển các ngành bền vững.

- Hội đồng phát triển ngành kinh tế họp một năm hai lần, họp thường niên và đột xuất. Thời gian, địa điểm, nội dung và hình thức họp do Chủ tịch Hội đồng quyết định. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chủ tọa phiên họp.

3.3 Cơ chế vận hành

- Hội đồng phát triển ngành kinh tế hoạt động trên cơ sở phát huy tinh thần tự nguyện, chủ động, phản biện khoa học với mục đích đóng góp vào sự phát triển chung của Thành phố. Mọi ý kiến đều được lắng nghe, thảo luận và ghi nhận để báo cáo cấp có thẩm quyền, làm cơ sở Thành phố hoạch định chính sách và thực thi công tác điều hành.

- Hội đồng phát triển ngành kinh tế sẽ báo cáo trực tiếp và chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố. Nội dung làm việc, thảo luận của Hội đồng sẽ xuất phát từ 2 nguồn: (1) Từ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và (2) chủ động đề xuất của Hội đồng. Trong trường hợp nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, đúng thời gian được giao và phải thực hiện việc báo cáo, giải trình khi Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu. Trong trường hợp xuất phát từ đề xuất của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng là người có thẩm quyền cuối cùng quyết định các nội dung sẽ đề xuất lên Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Hội đồng phát triển ngành kinh tế hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận. Các thành viên tham gia thảo luận góp ý các nội dung và thống nhất quan điểm để đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp có thành viên Hội đồng bảo lưu quan điểm khác, báo cáo của Hội đồng phải lưu ý về ý kiến đề nghị được bảo lưu của thành viên.

- Hội đồng phát triển ngành kinh tế có quyền yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện cung cấp các tài liệu, số liệu thống kê có liên quan đến các nội dung làm việc của Hội đồng. Các đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho Hội đồng. Trường hợp không thể cung cấp, phải có văn bản trả lời cụ thể để Hội đồng được biết.

- Chủ tịch Hội đồng phát triển ngành kinh tế là người quyết định thời gian, địa điểm họp và nội dung thảo luận. Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình hoạt động của Hội đồng và các thành viên trong Hội đồng theo định kỳ và đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng có thể đề xuất Chủ tịch Hội đồng tổ chức buổi họp đột xuất khi phát hiện có vấn đề mới, cấp bách liên quan đến ngành cần trao đổi, thảo luận gấp.

- Cơ quan thường trực Hội đồng chịu trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, cơ sở vật chất, trang bị để tổ chức họp Hội đồng, soạn thảo các báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng, các đề xuất chính sách để trình Chủ tịch Hội đồng ký thay mặt Hội đồng.

- Thành viên Hội đồng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

+ Chủ động đề xuất các nội dung cần đưa ra thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng, nghiên cứu, đóng góp ý kiến đối với các nội dung do Hội đồng đề xuất thảo luận hoặc các nội dung do Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo.

+ Làm việc, trao đổi với nhóm đối tượng, cơ quan, tổ chức mà mình là người đại diện nhằm tiếp thu các vấn đề cần giải quyết, các phản hồi chính sách và các đề xuất, kiến nghị khác.

+ Tích cực làm cầu nối giữa cơ quan, tổ chức, nhóm đối tượng mình là đại diện với các cơ quan tổ chức và nhóm đối tượng khác thông qua các thành viên trong Hội đồng (như giữa đại diện của doanh nghiệp với đại diện các cơ quan nghiên cứu, đại diện các tổ chức tài chính) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chung của ngành.

+ Nghiên cứu sâu, đóng góp cụ thể vào các đề xuất chính sách và kiến nghị các giải pháp cho chính quyền Thành phố, tránh việc chỉ nêu vấn đề mà không đề xuất được giải pháp.

- Trong quá trình nghiên cứu, tham mưu cho Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố các nội dung liên quan đến phát triển ngành kinh tế, đối với các nội dung mới, phức tạp, cần thiết phải có sự nghiên cứu sâu, Hội đồng phát triển ngành kinh tế có thể đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giao thành viên là các nhà khoa học (hoặc các tổ chức khoa học có năng lực và chức năng) triển khai nghiên cứu các chương trình, đề án cụ thể phục vụ quá trình nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách phát triển ngành.

4. Mọi quan hệ với các tổ chức, đơn vị liên quan

4.1. Ủy ban nhân dân Thành phố

Hội đồng phát triển ngành kinh tế hoạt động dưới sự điều hành của một đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách. Hội đồng báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình hoạt động, các ý kiến đề xuất, kiến nghị của Hội đồng cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập; cùng bàn bạc triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan.

4.2. Đối với đơn vị khác có liên quan (doanh nghiệp ngành, các nhà khoa học, các tổ chức tài chính,...)

Hội đồng phát triển ngành kinh tế có trách nhiệm tiếp nhận các ý kiến đề xuất, kiến nghị của các nhóm đối tượng khác thông qua các thành viên trong Hội đồng hoặc qua các nguồn thông tin khác để cùng thảo luận, bàn bạc hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước tháo gỡ hoặc tư vấn, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo thẩm quyền. Đồng thời, liên kết các nguồn lực trong cộng đồng doanh nghiệp ngành nhằm phát triển ngành theo hướng bền vững.

4.3. Đối với sở chủ trì Hội đồng

Hội đồng phát triển ngành kinh tế có trách nhiệm thông tin, báo cáo định kỳ các nội dung, kết quả hoạt động cho sở chủ trì; phối hợp chặt chẽ với sở trong việc huy động các nguồn lực, xác định định hướng và lập kế hoạch hành động nhằm tăng sức cạnh tranh và phát triển các ngành theo hướng bền vững.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỂ PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ

1. Để đảm bảo các Hội đồng phát triển ngành kinh tế hoạt động có hiệu quả, cần phải có cơ chế, chính sách để khuyến khích và nâng cao tinh thần trách nhiệm, quyền lợi của các thành viên Hội đồng, đặc biệt là các thành viên Hội đồng không thuộc các cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố. Thực tế cho thấy, bên cạnh yếu tố vì sự đóng góp, cống hiến cho sự phát triển và xã hội của Thành phố nói chung, việc tham gia các Hội đồng phát triển ngành kinh tế của các thành phần kinh tế khác (hiệp hội doanh nghiệp; viện, trường, nhà nghiên cứu; tổ chức tài chính;...) cũng phải mang lại các hiệu quả nhất định cho hoạt động của các thành phần kinh tế này thì mới đảm bảo các thành viên Hội đồng thực sự toàn tâm, toàn ý trong công việc và đảm bảo các

định hướng, cơ chế, chính sách cho sự phát triển các ngành có tính thực tế, hiệu quả cao, linh hoạt đảm bảo theo kịp sự biến động của thị trường.

2. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng phát triển ngành kinh tế phải đảm bảo tính khách quan, công tâm trong việc đề xuất chính sách và phản biện chính sách. Hội đồng phát triển các ngành kinh tế gồm các thành viên ở nhiều thành phần kinh tế, trong đó có một số thành phần kinh tế có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến các định hướng, cơ chế, chính sách sẽ được tham mưu đề xuất khi xây dựng Chương trình phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Thành phố (các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức tài chính) nên cũng cần phải có giải pháp để đảm bảo tính minh bạch, khách quan trong quá trình tổ chức thực hiện; tránh trường hợp “thao túng” trong quá trình xây dựng, đề xuất chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách phát triển các ngành kinh tế hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tổ chức, theo dõi tình hình hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế

3.1. Đối với từng Hội đồng phát triển ngành kinh tế, cần có bộ phận điều phối, tổng hợp các kiến nghị về chính sách của từng Hội đồng phát triển ngành kinh tế (đóng vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng); tổng hợp kết quả làm việc của Hội đồng để báo cáo Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố và triển khai các công việc khác để đảm bảo hoạt động của Hội đồng có hiệu quả cao (các công việc sự vụ như lên lịch họp, mời họp, theo dõi tổng hợp các nội dung báo cáo, đề nghị của các thành viên Hội đồng,...).

3.2. Hội đồng phát triển ngành kinh tế cần định kỳ (có thể hàng năm) đánh giá, tổng kết hoạt động của Hội đồng và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả làm việc của Hội đồng và từng thành viên trong Hội đồng.

Trên cơ sở kết quả hoạt động của Hội đồng và từng thành viên, định hướng các chính sách cần xây dựng trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh cơ cấu tổ chức, thay đổi thành viên trong trường hợp cần thiết để phục vụ hoạt động của Hội đồng trong giai đoạn tiếp theo được hiệu quả.

4. Các cơ chế, chính sách đột phá đối với thành phố phần lớn phải có sự chấp thuận của Chính phủ và đồng thuận của các bộ ngành. Trong điều kiện các cơ chế quản lý đang phân mảnh theo ngành, vẫn còn tình trạng chồng lấn, bất cập, việc thiết kế các cơ chế, chính sách riêng cho Thành phố sẽ gặp nhiều khó khăn để đảm bảo tính khả thi. Để đảm bảo tính hiệu quả của Hội đồng phát triển ngành kinh tế, cần có

cơ chế tổng hợp kiến nghị về chính sách kịp thời, phối hợp với Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố để kịp thời đưa thông tin, vấn đề tồn tại và các kiến nghị đề xuất đến cấp có thẩm quyền, từ đó có các quyết sách phù hợp, bảo đảm luật, chính sách đi vào thực tiễn.

5. Các thành viên Hội đồng phát triển ngành kinh tế đến từ nhiều khu vực kinh tế khác nhau nên cần có cơ chế để thành viên Hội đồng được tiếp cận các thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ việc đề xuất chính sách. Theo đó, cho phép thành viên Hội đồng được tiếp cận các số liệu thống kê thuộc lĩnh vực ngành từ phía các cơ quan quản lý nhà nước. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm cung cấp các số liệu có liên quan định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng.

6. Về vấn đề liên quan đến tài chính để đảm bảo hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế:

Mặc dù Hội đồng phát triển ngành kinh tế hoạt động trên cơ sở tự nguyện, không vì mục đích sinh lợi nhằm nghiên cứu, tư vấn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề liên quan đến phát triển các ngành. Tuy nhiên, vẫn cần có nguồn kinh phí ổn định để phục vụ cho hoạt động có hiệu quả, cụ thể:

- Chi phí cho bộ phận tổng hợp, hành chính, tổ chức hội họp, hội thảo, hội nghị.
- Chi phí bồi dưỡng thêm cho các thành viên Hội đồng (theo tháng, hoặc theo ngày họp cụ thể,..).
- Chi phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học (chương trình, đề án,..) chuyên sâu phục vụ cho việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách phát triển ngành trong trường hợp cần thiết. Trong trường hợp này, các đề án cần được nghiên cứu

IV. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KINH TẾ

Trên cơ sở các vấn đề đặt ra nêu trên, cần có một số cơ chế, chính sách, giải pháp và kiến nghị để phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế như sau:

1. Tạo điều kiện để các đối tượng nhận được lợi ích cộng hưởng từ việc cử người đại diện tham gia vào Hội đồng phát triển ngành kinh tế một cách công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Đây là nội dung quan trọng, có tính cốt yếu nhằm gắn kết các bên tham gia, tạo động lực đóng góp vào sự phát triển của ngành kinh tế. Những người tham gia Hội đồng phát triển ngành kinh tế phải thấy

được lợi ích lâu dài từ việc đầu tư công sức, thời gian và các nguồn lực khác vào việc phát triển các chính sách. Nếu thiếu sự gắn kết về lợi ích có thể dẫn đến nguy cơ việc thành lập và duy trì Hội đồng phát triển ngành kinh tế chỉ mang tính chất hình thức, qua loa. Hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế cần đáp ứng lợi ích và sự quan tâm của các nhóm đối tượng, cụ thể:

1.1. Đối với đại diện nhóm các trường đại học, viện nghiên cứu, các nhà khoa học:

- Phải tạo điều kiện để nhóm đối tượng này được tiếp cận và được cung cấp đầy đủ các dữ liệu, số liệu thống kê và các tình huống phát sinh trong thực tế của hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Như vậy sẽ tạo điều kiện để các nhà nghiên cứu có tài liệu để thực hiện các nghiên cứu khoa học. Các nghiên cứu này cũng sẽ mang tính chất thực tiễn, dễ đưa vào ứng dụng thay vì chỉ mang tính chất hàn lâm, lý thuyết.

- Thông qua các vấn đề phát sinh khi Hội đồng thảo luận, cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp có thể đặt hàng các nhà khoa học thực hiện các đề tài nghiên cứu để giải quyết các vấn đề này. Nguồn kinh phí sẽ một phần từ ngân sách theo đúng định mức về nghiên cứu khoa học và một phần từ hỗ trợ của các doanh nghiệp thông qua thành viên đại diện doanh nghiệp trong Hội đồng (đối với trường hợp đặt hàng phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của Hội đồng) hoặc từ phía các doanh nghiệp (trường hợp do doanh nghiệp đặt hàng). Như vậy, một mặt sẽ giúp các nhà khoa học nhận được đặt hàng nghiên cứu, mặt khác sẽ giúp các nghiên cứu này nhanh chóng được ứng dụng vào thực tiễn. Đồng thời mức chi phí nghiên cứu nếu có thêm hỗ trợ từ doanh nghiệp cũng sẽ đảm bảo chất lượng của các đề tài nghiên cứu. Từ đó, tạo động lực để giới nghiên cứu tích cực tham gia vào hoạt động của Hội đồng.

- Phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để nghiên cứu thêm cơ chế các đơn vị này thực hiện các đề tài nghiên cứu chuyên sâu phục vụ cho hoạt động của Hội đồng từ nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của Thành phố theo đúng quy định và hỗ trợ thêm từ nguồn huy động tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các quỹ và các nhà tài trợ khác cho hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học, viện nghiên cứu. Các nguồn tài trợ không hoàn lại từ các bên thứ ba cho hoạt động nghiên cứu khoa học luôn là yếu tố quan trọng trong đời sống nghiên cứu khoa học của các viện trường. Việc cho phép các đơn vị nghiên cứu tiếp nhận các nguồn này không chỉ giúp giảm gánh nặng tài chính cho ngân sách, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và còn giúp tăng uy tín của các tổ chức nghiên cứu trên thế giới. Trên thực tế,

việc đánh giá xếp hạng các trường đại học do các tổ chức quốc tế thực hiện phụ thuộc rất lớn vào số lượng các nghiên cứu khoa học được công bố quốc tế.

1.2. Đối với đại diện nhóm các doanh nghiệp:

- Hội đồng cần lắng nghe, tiếp thu các ý kiến góp ý của thành viên đại diện nhóm các doanh nghiệp về thực tế tình hình hoạt động và khó khăn của các doanh nghiệp trong ngành, các nội dung kiến nghị của các doanh nghiệp để nghiên cứu xây dựng, đề xuất hoặc điều chỉnh các cơ chế, chính sách cho phù hợp với nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp trong ngành, kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc chung liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong ngành trên cơ sở các quy định của pháp luật; đảm bảo các cơ chế, chính sách có tính thực tiễn và tính khả thi cao. Việc này cũng giúp các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp trong cùng ngành tập trung hơn, đại diện cho ngành mình hơn thông qua đại diện tại Hội đồng (thay vì là những kiến nghị, đề xuất riêng rẽ cho từng trường hợp cụ thể của từng doanh nghiệp); các đề xuất này sẽ được truyền đạt nhanh chóng, kịp thời đến người có thẩm quyền mà không cần qua nhiều cấp, nhiều ngành. Điều này sẽ tạo hiệu quả, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp trong ngành, giúp các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và sẽ tăng cường việc tham gia hoặc cử đại diện có năng lực tham gia Hội đồng cũng như tài trợ cho các đề tài nghiên cứu của Hội đồng, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tìm kiếm sự hỗ trợ để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh bằng việc tham vấn ý kiến (của các nhà khoa học và các tổ chức tài chính) và đặt hàng các nhà khoa học thông qua đại diện của các đơn vị nghiên cứu tại Hội đồng phát triển ngành kinh tế. Từ đó, tạo sự kết nối giữa nhà khoa học với doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề chung.

- Khuyến khích thành viên Hội đồng phát triển ngành kinh tế là đại diện của các tổ chức tài chính, ngân hàng nghiên cứu, đề xuất các gói tín dụng phù hợp với quy định cho các doanh nghiệp thuộc ngành theo các chương trình, chính sách hỗ trợ được thông qua (như chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố); đồng thời thông qua thành viên Hội đồng là đại diện doanh nghiệp tạo sự kết nối, hướng dẫn các doanh nghiệp trong ngành các thủ tục vay vốn để được tham gia chương trình.

- Doanh nghiệp có thể đặt hàng các trường đại học thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo đặc thù, phù hợp với ngành mình thông qua việc trao đổi ý kiến

tại Hội đồng phát triển ngành kinh tế. Doanh nghiệp sẽ tốn ít chi phí để đào tạo và đào tạo lại nhân sự. Các trường sẽ có các chương trình đào tạo sát với thực tế. Như vậy, sẽ tránh lãng phí xã hội và nhanh chóng tạo việc làm cho người mới ra trường.

1.3. Đối với nhóm các Tổ chức tài chính:

- Khuyến khích các thành viên Hội đồng đại diện các tổ chức tài chính, ngân hàng nghiên cứu, đề xuất các gói hỗ trợ tài chính (cho các doanh nghiệp ngành vay vốn) phù hợp với các chương trình hỗ trợ lãi suất của thành phố đối với các dự án thuộc ngành (nếu có) theo đúng quy định. Tạo điều kiện để các tổ chức tài chính tham gia góp ý về các chính sách liên quan đến định chế tài chính, cơ chế, chính sách về thu hút và huy động các nguồn vốn để phát triển ngành; đồng thời lắng nghe ý kiến phản biện và các khó khăn, vướng mắc của các tổ chức tài chính trong quá trình triển khai thực hiện cơ chế, chính sách có liên quan đến huy động vốn để đầu tư của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tài chính tiếp cận và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo đúng quy định.

- Việc cử đại diện tham gia Hội đồng phát triển ngành kinh tế giúp các tổ chức tài chính nắm bắt được nhu cầu của các doanh nghiệp trong ngành. Từ đó, có thể thiết kế các gói hỗ trợ tín dụng sát với nhu cầu, đặc thù của các doanh nghiệp ngành, nâng cao hiệu quả nguồn vốn.

- Các quỹ đầu tư có thể tiếp cận với các doanh nghiệp ngành, nắm bắt tình hình hoạt động của ngành, làm cơ sở để định hướng đầu tư vào các doanh nghiệp một cách có hiệu quả, nhanh chóng.

2. Việc chọn những tổ chức, cá nhân tham gia vào Hội đồng phát triển ngành kinh tế phải chọn được những người có kinh nghiệm, tâm huyết, góp ý, phản biện, đóng góp vào sự phát triển của ngành nhưng cũng đảm bảo sự khách quan, công khai, minh bạch trong quá trình góp ý, đề xuất cơ chế, chính sách nên cần cân nhắc, lựa chọn đối tượng xứng đáng. Trong quá trình hoạt động của từng Hội đồng ngành sẽ rút kinh nghiệm và điều chỉnh dần dần mô hình bộ máy, cơ chế hoạt động cho phù hợp tình hình do đây là mô hình mới ở thành phố. Để đảm bảo triển khai hiệu quả, đề xuất cơ chế chính sách thiết thực nhất của Thành phố, tổ chức định kỳ đánh giá, kiến nghị kiện toàn các thành viên trong Hội đồng để bổ sung các tổ chức, cá nhân mới có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết đối với sự phát triển của ngành.

3. Về tổ chức, theo dõi tình hình hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế

Để theo đảm bảo việc tổ chức thực hiện và theo dõi tình hình hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế có hiệu quả, Đề án nhận thấy cần phải nghiên cứu, thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận sau:

3.1. Cơ quan thường trực Hội đồng phát triển ngành kinh tế

Đây là đơn vị có trách nhiệm chuẩn bị nội dung họp cho Hội đồng, soạn thảo các báo cáo trên cơ sở các nội dung Hội đồng đã thảo luận, đồng thời, cũng là đơn vị đảm bảo về cơ sở vật chất, chuẩn bị tài liệu và thực hiện thay mặt Hội đồng liên hệ, làm việc với các cơ quan có liên quan và các công tác giúp việc khác.

Do đó phải có cơ chế để cơ quan thường trực hội đồng có nguồn nhân lực, vật lực đầy đủ. Đặc biệt, về con người thì cần phải có những người có trình độ và hạn chế việc kiêm nhiệm các công tác chuyên môn khác.

Qua nghiên cứu, có 2 mô hình để thành lập cơ quan thường trực cho Hội đồng phát triển ngành kinh tế:

- Mô hình thứ nhất là cách làm truyền thống, cơ quan thường trực sẽ do một sở, ngành chuyên môn có công tác quản lý nhà nước liên quan đến ngành kinh tế đảm nhiệm. Với mô hình này sẽ không làm thay đổi về nhân sự, cơ sở vật chất, có thể triển khai nhanh và đảm bảo cơ chế quản lý nhà nước, giúp Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố sâu sát trực tiếp vào hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế. Tuy nhiên, mô hình này có hạn chế và tính linh hoạt trong hoạt động sẽ không cao và nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan thường trực của Hội đồng sẽ phụ thuộc vào nguồn cấp từ ngân sách nhà nước.

- Mô hình thứ hai có tính đổi mới hơn là có thể để các đơn vị không phải cơ quan quản lý nhà nước chủ động đề xuất được đảm nhiệm vai trò cơ quan thường trực. Đó có thể là các trường đại học, viện nghiên cứu hoặc các hiệp hội doanh nghiệp của ngành. Mô hình này sẽ giúp khắc phục được phần nào hạn chế của mô hình trên do có tính linh hoạt cao, kinh phí hỗ trợ hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế có thể dễ dàng huy động từ các nguồn khác nhau, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động cho Hội đồng có thể sẽ được đảm bảo hơn. Tuy nhiên, mô hình này mới, chưa được thử nghiệm nên có thể có những rủi ro chưa lường trước. Ngoài ra, việc thực hiện chỉ đạo điều hành của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đối với hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế có thể không sâu sát như khi các sở, ngành là cơ quan thường trực.

Do đó, qua phân tích, Đề án nhận thấy trong thời gian đầu triển khai vẫn áp dụng mô hình truyền thống, giao sở, ngành chuyên môn có công tác quản lý nhà nước liên quan đến ngành kinh tế đảm nhiệm vai trò cơ quan thường trực cho Hội đồng phát triển ngành kinh tế. Trong quá trình triển khai qua việc rút kinh nghiệm thực tế và chuẩn bị kỹ hơn về mọi mặt sẽ xem xét áp dụng thêm mô hình thứ hai.

3.2. Cơ quan chỉ đạo hoạt động chung của các Hội đồng

Thành phố dự kiến thành lập 11 Hội đồng phát triển ngành kinh tế. Do đó, để đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế theo đúng mục tiêu, định hướng đã đề ra, cần có cơ chế hợp trao đổi giữa Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố với các Hội đồng phát triển ngành kinh tế một cách thường xuyên, liên tục. Việc này giúp lãnh đạo Thành phố (i) kịp thời xem xét, quyết định các chủ trương, chính sách phát triển ngành do Hội đồng phát triển ngành kinh tế đề xuất; định hướng, chỉ đạo cho Hội đồng ngành các vấn đề trong ngành cần tập trung tham mưu giải quyết để đảm bảo sự phát triển của ngành đúng định hướng; (ii) tạo sự kết nối giữa các Hội đồng phát triển ngành kinh tế để đảm bảo sự thống nhất trong việc xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phát triển ngành, tránh sự chồng chéo, trùng lặp trong các cơ chế, chính sách; (iii) trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế chung của Thành phố, thực hiện việc lãnh đạo điều phối, có ý kiến về định hướng hoạt động nghiên cứu, đề xuất của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế; đồng thời, trên cơ sở báo cáo nghiên cứu của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế sẽ chỉ đạo thực hiện hoàn thiện lại định hướng phát triển kinh tế chung của Thành phố.

Đây là nội dung quan trọng giúp cho hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế được tập trung, thực chất. Trong trường hợp này, do Thành phố có nhiều Hội đồng phát triển ngành kinh tế nên để đảm bảo việc Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Hội đồng ngành một cách thường xuyên, liên tục, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan đầu mối sắp xếp chương trình làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố với các Hội đồng ngành. Trong trường hợp cần thiết hoặc khi các Hội đồng phát triển ngành kinh tế dần đi vào hoạt động ổn định và có hiệu quả, có thể nghiên cứu thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Hội đồng quản lý các Hội đồng phát triển ngành kinh tế để tập trung đầu mối điều phối, chỉ đạo hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế như nêu ở trên. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo hoặc Hội đồng quản lý các Hội đồng phát triển ngành kinh tế đề nghị có thể giao cho Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố (đơn vị đầu mối nghiên cứu, tổng hợp về cơ chế, chính sách mang tầm vĩ mô của Thành phố).

Ngoài ra, cần nghiên cứu thêm quy định về việc trước khi ban hành, sơ kết, tổng kết các quy định, chương trình, kế hoạch mới hoặc các chỉ đạo có tác động rộng đến toàn bộ ngành kinh tế, cần phải có cơ chế để lãnh đạo thành phố lắng nghe phản biện từ các Hội đồng phát triển ngành kinh tế. Có thể xem đây là một bước bắt buộc trong quy trình xây dựng các quy định, chương trình, kế hoạch hoạt động của Thành phố.

4. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cung cấp số liệu, các báo cáo định kỳ, và các nội dung khác có liên quan để Hội đồng phát triển ngành kinh tế sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, phản biện chính sách.

Việc có được số liệu báo cáo, tổng hợp một cách chính xác, kịp thời từ nhiều cơ quan khác nhau phục vụ công tác hoạch định chính sách thường mất nhiều thời gian do công tác phối hợp, thu thập dữ liệu. Trong trường hợp là các nhà khoa học hoặc doanh nghiệp riêng rẽ cần số liệu để phân tích phục vụ các báo cáo khoa học, định hướng chính sách kinh doanh thì việc tiếp cận các số liệu thống kê từ các cơ quan quản lý nhà nước cũng gặp phải nhiều khó khăn.

Thông qua Hội đồng phát triển ngành kinh tế, các số liệu đặc thù liên quan đến ngành sẽ được các cơ quan liên quan cập nhật định kỳ, kịp thời và được bổ sung các số liệu ngoài do các nhà khoa học và các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp cung cấp. Như vậy, theo thời gian sẽ tạo ra một cơ sở dữ liệu lớn, hoàn chỉnh và phù hợp với ngành kinh tế. Điều này không chỉ giúp Hội đồng phát triển ngành kinh tế có cơ sở khoa học để đóng góp ý kiến về định hướng chính sách mà còn giúp ích cho hoạt động riêng của từng nhóm đại diện tham gia Hội đồng ngành, đặc biệt là doanh nghiệp và các nhà khoa học.

5. Phải có cơ chế để huy động các nguồn lực xã hội (thông qua các thành viên là đại diện doanh nghiệp hoặc tổ chức tài chính trong Hội đồng phát triển ngành kinh tế hoặc các nguồn tài trợ khác) phục vụ và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng một cách công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế nếu chỉ dựa trên ngân sách do nhà nước cấp phát sẽ không hiệu quả, kịp thời do vướng mắc liên quan đến trình tự thủ tục giải ngân, nguồn vốn ngân sách và các quy định liên quan đến định mức ngân sách.

Trong khi đó, để hoạt động hiệu quả, Hội đồng phát triển ngành kinh tế cần phải tổ chức các hội nghị, hội thảo để tiếp nhận, trao đổi thông tin, tổ chức các đoàn

nghiên cứu, khảo sát thực tế, đặt hàng các nghiên cứu chuyên sâu và tiếp cận các cơ sở dữ liệu, các thông tin, tài liệu phải trả phí do bên thứ ba cung cấp.

Do đó, việc cho phép Hội đồng phát triển ngành kinh tế tiếp nhận các hỗ trợ và hợp tác với các tổ chức khác là cần thiết, giúp Hội đồng vận hành hiệu quả. Điều này giúp giảm gánh nặng cho ngân sách Thành phố.

Việc huy động các nguồn lực xã hội chỉ phục vụ cho: Các hoạt động nghiên cứu đề tài chuyên sâu của Hội đồng để lựa chọn được các tổ chức nghiên cứu có tính chuyên nghiệp (kể cả các tổ chức nước ngoài) nhằm đảm bảo chất lượng của các đề tài nghiên cứu; thuê các chuyên gia quốc tế tham gia nghiên cứu trong các trường hợp cần thiết; các hội nghị, hội thảo để tiếp nhận, trao đổi thông tin, tổ chức các đoàn nghiên cứu, khảo sát thực tế; hỗ trợ chi phí nghiên cứu cho đội ngũ các nhà khoa học thuộc các trường, viện tham gia Hội đồng để toàn tâm, toàn ý cho hoạt động của Hội đồng.

Đối với các chi phí liên quan đến văn phòng phẩm, các cơ sở vật chất cho hoạt động của Hội đồng phát triển ngành kinh tế đề nghị sử dụng từ nguồn vốn ngân sách thành phố cấp cho cơ quan Thường trực Hội đồng.

6. Khi nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng, cơ quan Thường trực Hội đồng cần nghiên cứu, bổ sung các nội dung về cơ chế nêu trên để đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao các sở, ngành chuyên môn chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan căn cứ nội dung của Đề án này tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố phương án cụ thể về thành lập các Hội đồng phát triển ngành kinh tế của Thành phố trong quý I năm 2021, cụ thể như sau:

1.1. Giao Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện phương án thành lập các Hội đồng phát triển ngành theo đúng định hướng của đề án này và Quyết định số 1790/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố.

1.2. Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện phương án thành lập Hội đồng phát triển ngành thương mại điện tử và Hội đồng phát triển ngành dịch vụ vận tải, kho bãi, hệ thống cảng, logistics.

1.3. Giao Sở Du lịch chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện phương án thành lập Hội đồng phát triển ngành du lịch.

1.4. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện phương án thành lập Hội đồng phát triển ngành bất động sản.

1.5. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Công ty đầu tư tài chính nhà nước Thành phố và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc hoàn thiện phương án thành lập Hội đồng phát triển ngành tài chính.

1.6. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện phương án thành lập Hội đồng phát triển ngành dịch vụ tư vấn, khoa học - công nghệ.

1.7. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện phương án thành lập Hội đồng phát triển ngành nông nghiệp đô thị.

2. Các Sở ngành được giao nhiệm vụ tại mục 1 nêu trên có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

- Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch chi tiết, cụ thể về cơ chế, số lượng, thành phần Hội đồng phát triển ngành do cơ quan mình phụ trách, đảm bảo đạt chất lượng, đúng quy định.

- Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động về Sở Kế hoạch và Đầu tư những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị (nếu có) để Sở này tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo thẩm quyền.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập các Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện việc hướng dẫn và hỗ trợ các Hội đồng phát triển ngành kinh tế về quy trình, thủ tục liên quan đến việc thực hiện các đề tài nghiên cứu chuyên sâu theo đề nghị của Hội đồng phát triển ngành kinh tế.

5. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố nguồn kinh phí cho hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế; các quy định cho các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu của Hội đồng.

6. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu, xây dựng cơ chế hoạt động mẫu của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế để thống nhất thực hiện trong tất cả các Hội đồng phát triển ngành kinh tế của Thành phố.

- Theo dõi, tổng hợp quá trình triển khai thực hiện Đề án để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tiến độ triển khai thực hiện và các khó khăn, vướng mắc phát sinh nếu có trong quá trình thực hiện để kịp thời chỉ đạo giải quyết nhằm đảm bảo quá trình triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Hội đồng quản lý các Hội đồng phát triển ngành kinh tế để tập trung đầu mối điều phối, chỉ đạo hoạt động của các Hội đồng phát triển ngành kinh tế./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng